

PHAN HÀ

Hướng dẫn

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

TIẾNG ANH



TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếng Anh 3 là bộ sách thứ nhất trong ba bộ sách được viết theo chương trình Tiếng Anh Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tháng 8 năm 2010. Bộ sách này được biên soạn đặc biệt cho trẻ em người Việt mới bắt đầu học tiếng Anh từ lớp 3 như một ngoại ngữ, thể hiện phương hướng giao tiếp, lấy người học và các hoạt động học tập làm trung tâm với ngữ liệu được xây dựng và phát triển dần qua các hoạt động nghe, nói, đọc và viết độc lập hoặc kết hợp từ đơn giản đến phức tạp. Các hoạt động trong sách được thiết kế giúp học sinh phát huy sự tư duy độc lập hoặc có sự hợp tác với bạn đồng học trong khi thực hiện các hoạt động học tập. Nội dung các hoạt động trong sách được lựa chọn và lồng ghép các kỹ năng, kiến thức ngôn ngữ và văn hoá của đất nước học tiếng và của người học trong môi trường thực tế Việt Nam và đất nước học tiếng. Vai trò của giáo viên dạy theo sách là người tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá sự tiến bộ của học sinh trong việc học tập tiếng Anh trong điều kiện trường lớp tại Việt Nam.

Sách học sinh **Tiếng Anh 3** gồm hai tập. Mỗi tập có 10 đơn vị bài gọi là *Unit* và hai đơn vị bài cùng cố ôn tập gọi là *Review*. Mỗi Unit được thiết kế thành ba bài học gọi là *Lesson*. Như vậy toàn bộ hai tập sách có 20 *Units* và 4 *Reviews* được dạy và học trong suốt năm theo chương trình 4 tiết/tuần và với 6 tiết (1 tiết=35 phút)/*Unit* và 2 tiết/*Review*. Đối với các trường hợp đặc biệt, giáo viên có thể linh động điều chỉnh nội dung trong sách cho phù hợp với loại chương trình, mục đích và đối tượng giảng dạy cụ thể.

Ngoài sách học sinh **Tiếng Anh 3** còn có sách bài tập và sách giáo viên. Sách bài tập có 20 *Units* với chủ đề tương ứng với sách học sinh nhưng các loại hình bài tập đa dạng và phong phú hơn. Trong sách giáo viên, ngoài phần hướng dẫn dành riêng cho từng đơn vị bài học còn có phần giới thiệu chung với đầy đủ các thành phần như tổng quan về phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho bậc Tiểu học Việt Nam, cách tổ chức thực hành trong lớp, ngôn ngữ giao tiếp thường dùng trong lớp dành cho giáo viên và học sinh, tập hợp một số trò chơi ngôn ngữ phổ biến trong các lớp tiếng Anh Tiểu học, v. v.

Để việc giảng dạy bộ sách **Tiếng Anh 3** có hiệu quả, giáo viên nên tham khảo đầy đủ các sách học sinh, sách giáo viên và sách bài tập trước khi bắt đầu chương trình dạy nhằm có được một cái nhìn tổng thể về phương pháp, nội dung và định dạng mỗi loại sách và đơn vị bài học, bài tập và bài giảng trước khi lập kế hoạch giảng dạy cụ thể trong năm.

Các nội dung bài giảng trong tài liệu **HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG ANH 3 – TẬP MỘT** chỉ mang tính chất gợi ý và hỗ trợ thêm cho giáo viên về các ý tưởng trong lúc chọn lựa dạy những gì phù hợp với điều kiện giảng dạy cụ thể và trình độ của đối tượng học và kinh nghiệm của cá nhân trong khi dạy theo bộ sách **Tiếng Anh 3**.

Mỗi bài giảng bắt đầu bằng tổng quan mục tiêu và yêu cầu chung cho cả *Unit* gồm năng lực sử dụng tiếng Anh, ngữ pháp (mẫu câu), từ vựng và phần luyện âm để ráp vần (*phonics*).

Kế tiếp là bài giảng từng phần bám theo sách giáo khoa gồm các chi tiết: mục tiêu, trình tự giảng dạy. Khởi động (*warm-up*), giới thiệu bài học (nếu bắt đầu *Lesson* 1 hoặc *Lesson* 2), và đặc biệt là phần ghi chú gợi ý cụ thể các kỹ thuật và thủ thuật giảng dạy cũng phần chú thích về ngôn ngữ và cách phát âm.

Chúng tôi mong rằng tài liệu **HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG ANH 3 – TẬP MỘT** sẽ hỗ trợ cho việc dạy sách **Tiếng Anh 3 – Tập một** của các thầy cô thêm phần hiệu quả.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
Mục lục	4
Unit 1 Hello	5
Unit 2 What's your name?	18
Unit 3 This is Tony	28
Unit 4 How old are you?	37
Unit 5 Are they your friends?	46
Review 1	55
Unit 6 Stand up!	58
Unit 7 That's my school	67
Unit 8 This is my pen	77
Unit 9 What colour is it?	88
Unit 10 What do you do at break time?	98
Review 2	108

Danh mục viết tắt:

HS:	Học sinh
GV:	Giáo viên
SGV:	Sách giáo viên
SBT:	Sách bài tập
SHS:	Sách học sinh

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- Học sinh (HS) có thể chào hỏi và tự giới thiệu mình.
- HS có thể chào hỏi người quen và đáp lại lời chào.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- Hello/Hi. I'm + tên – Hello/Hi + tên. I'm + tên.
- How are you? – I'm fine, thanks./thank you.

Từ vựng: hi, hello, how, fine, thanks, I'm, thank you, Nice to meet you., How are you?, bye, goodbye

Luyện âm: bye, hello

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD, các dụng cụ cần thiết để làm và trang trí một bảng tên

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp trong lớp học: <i>tự giới thiệu mình và đáp lại</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 2)

- **Khởi động:** Giáo viên (GV) chào HS, dùng *Hello. I'm Miss/Mr + tên*. Gợi ý cho cả lớp đáp lại lời chào bằng tiếng Anh: *Hello, Miss/Mr + tên*. GV đi xuống giữa lớp để chào, tự giới thiệu tên với một vài HS rồi ra hiệu cho cá nhân đáp lại. GV lên bục lặp lại động tác chào, tự giới thiệu tên và cho cả lớp nhắc lại hai lần trước khi bắt đầu giới thiệu *Lesson 1*.
- **Giới thiệu bài học:** GV cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's this? What's his/her name?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.

Ghi chú:

- Mục đích của phần này nhằm giới thiệu ngữ liệu trong tình huống giao tiếp giả định trong sách. Ở giai đoạn này, HS bắt đầu làm quen với âm thanh và chữ viết tiếng Anh và có tranh hỗ trợ cho việc hiểu tình huống giao tiếp. Trong những giờ học tiếng Anh ở đầu năm lớp 3, khi gợi ý cho HS trả lời để kiểm tra việc hiểu các tình huống giao tiếp, GV có thể dùng tiếng Anh để hỏi trước và chuyển sang tiếng Việt tương đương để HS làm quen với các câu nói đơn giản thường được lặp đi lặp lại qua các bài vì HS chưa có vốn tiếng Anh trước đó.
- GV nên dừng lại ở giai đoạn cho HS nghe và nhắc lại theo sách vì các em chưa được thực hành phần ngôn ngữ trọng điểm của *Lesson 1*.
- Hai từ *hello* và *hi* đều được dùng để chào. Từ *hi* là cách nói thân mật hơn *hello*. (Xem thêm phần hướng dẫn trong sách giáo viên (SGV)).
- *I'm = I am*. Trong thực tế giao tiếp, người nói thường dùng dạng rút gọn *I'm* và chỉ dùng *I am* khi cố ý nhấn mạnh: *I am Lan*. (~ Tôi chính là Lan.)

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu có chức năng chào và tự giới thiệu <i>Hello, I'm + tên.</i>
Ngôn ngữ:	<i>Hello, + tên. I'm + tên.</i> Tên các nhân vật: <i>Miss Hien, Nam, Mai, Quan</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện• Giới thiệu tên từng nhân vật (chỉ vào tranh nói tên). Kiểm tra lại bằng cách chỉ vào tranh cho HS nói tên nhân vật• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần mẫu câu trong phần này (CD – Track 2): Miss Hien: <i>Hello. I'm Miss Hien.</i> Nam: <i>Hello, Miss Hien. I'm Nam.</i>• Tiến hành rèn luyện theo kỹ thuật thay thế (<i>substitution drill</i>): Dùng con rối/ hình/ thẻ từ/ bàn tay để gợi ý cho HS nói theo từng vai trước khi gộp lại luyện hai vai: chia lớp làm hai để đóng vai các nhân vật trong sách• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp• Kiểm tra lại

Ghi chú:

- Trong quá trình hình thành khả năng sử dụng tiếng Anh của HS, việc rèn luyện nghe - nói ở giai đoạn này nhằm mục đích nói chính xác nên bài tập rèn luyện có phần nào máy móc do kỹ thuật rèn luyện thay thế, và được thiết lập với các điều kiện được kiểm soát (ngữ liệu cho sẵn trong sách).
- Kỹ thuật rèn luyện thay thế giúp cho HS hình thành được thói quen phản xạ nhanh trong khi nghe - nói, và quen dần với các cử động môi, lưỡi, miệng trong khi thực hành nói từ/cụm từ và câu trong bài tập rèn luyện. Đầu tiên nên giới thiệu mẫu câu và chức năng giao tiếp của mẫu câu. Sau đó hướng dẫn cách thay thế theo vai và làm mẫu cho HS nhắc lại. Một khi HS

đã nói tương đối trôi chảy, có thể dùng thẻ từ/con rối hoặc nói tên nhân vật cần thay thế để gợi ý cho HS nói câu hoàn chỉnh. Việc rèn luyện nên tiến hành theo thứ tự: cả lớp → nhóm nhỏ → cặp → cá nhân nhằm giúp cho tất cả các HS trong lớp có cơ hội đồng đều trong giờ học.

- Gợi ý bài tập rèn luyện thay thế:

GV: *Listen and repeat.* (đưa cao con rối nhân vật cô giáo Hiền/ chỉ vào hình trong sách).
Hello, I'm Miss Hien. Hello, I'm Miss Hien.

HS: *Hello, I'm Miss Hien.*

GV: *Again please. Hello, I'm Miss Hien.*

HS: *Hello, I'm Miss Hien.*

GV: *Now I say Miss Hien. You say Hello, I'm Miss Hien. OK?*

HS: *OK.*

GV: (đưa cao con rối nhân vật cô giáo Hiền/ chỉ vào hình trong sách). *Miss Hien.*

HS: *Hello, I'm Miss Hien.*

GV: *Very good. Now do the same.* (đưa cao con rối nhân vật Nam/ chỉ vào hình trong sách)
Nam.

HS: *Hello, I'm Nam.*

GV: *Again please, Nam.*

HS: *Hello, I'm Nam.*

GV: *Well done. Now look and say.* (đưa cao con rối nhân vật Mai/ chỉ vào hình trong sách)
Mai.

HS: *Hello, I'm Mai.*

GV: *Very good. Now look and say.* (đưa cao con rối nhân vật Quan/ chỉ vào hình trong sách)
Quan.

HS: *Hello, I'm Quan.*

GV: *Well done. OK. Now, look here.* (dùng hai con rối Miss Hien và Nam. Cử động con rối Nam như thẻ đang nói). *Listen. Hello, Miss Hien. I'm Nam. Repeat, please. Hello, Miss Hien. I'm Nam.*

HS: *Hello, Miss Hien. I'm Nam.*

GV: *Very good. Now look and say.* (dùng hai con rối Miss Hien và Mai. Cử động con rối Mai như đang nói). *Hello, Miss Hien. I'm Mai.*

HS: *Hello, Miss Hien. I'm Mai.*

GV: *Now, look.* (dùng hai con rối Miss Hien và Nam. Cử động con rối Miss Hien như đang nói). *What does Miss Hien say?*

HS: *Hello, I'm Miss Hien.*

GV: *Well done.* (Cử động con rối Nam như đang nói). *How about Nam?*

HS: *Hello, Miss Hien. I'm Nam.*

GV: *Now look at Mai and Quan.* (dùng hai con rối Mai và Quan. Cử động con rối Mai như đang nói). *What does Mai say?*

HS: *Hello, I'm Mai.*

GV: *Well done.* (dùng con rối Quan theo cách tương tự như trên). *How about Quan?*

HS: *Hello, Mai. I'm Quan.*

GV: *Very good, class. You are Miss Hien (chỉ vào ½ lớp bên trái hay bên phải). And you are Nam. (chỉ vào ½ lớp còn lại). Listen to the name and say, OK?*

HS: *OK.*

GV: (Chỉ vào nhóm đóng vai Miss Hien). *Miss Hien.*

Nhóm (N) 1: *Hello, I'm Miss Hien.*

GV: (Chỉ vào nhóm đóng vai Nam). *Nam.*

N2: *Hello, Miss Hien. I'm Nam.*

GV: *Well done, class. Now you do with Mai and Quan. (Chỉ vào nhóm 1: N1). You are Mai. Say!*

N1: *Hello, I'm Mai.*

GV: *Very good. Now (chỉ vào nhóm 2: N2). Quan.*

N2: *Hello, Mai. I'm Quan.*

GV: *Well done, class. Now work in pairs. One of you is Miss Hien and then Mai. One of you is Nam and then Quan. Understand? Do it now.*

Ghi chú: Trong trường hợp không có con rối, có thể dùng hai bàn tay đóng vai hai nhân vật đang trò chuyện. Cử động các ngón tay làm hiệu cho nhân vật đang nói.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua
Hoạt động:	Nghe – nói (đóng vai)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích của hoạt động • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp • Kiểm tra lại.

Ghi chú:

– Trong quá trình rèn luyện, hoạt động tương tác này tương đối tự do hơn hoạt động 2 do HS tự mình quyết định sẽ chọn vai để đóng trong khi rèn luyện với bạn đồng học.

– Nên gợi ý cho các em dùng tên riêng của mình để nói trong khi thực hành nhằm hướng việc giao tiếp đến gần thực tế hơn mặc dù vẫn còn ở điều kiện được tổ chức trong lớp.

– Ở giai đoạn này, do HS đã được rèn luyện mẫu câu và biết tên các nhân vật, hoạt động mở rộng có thể bao gồm việc cho HS tái tạo lại hai tình huống giao tiếp ở hoạt động 1 bằng cách đóng vai các nhân vật và thực hành nói mà không nhìn vào sách. (Tham khảo thêm phần hướng dẫn này trong SGK).

4. Listen and tick.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓

Trình tự:

- Khởi động
- Giới thiệu mục đích bài luyện nghe và hướng dẫn HS cách thực hành
- Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật giao tiếp trong từng tranh để các em có thể phân biệt được ai nói với ai nhằm đi đến quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu
- Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (*CD – Track 3*)
- Kiểm tra chung cả lớp và cho nghe lại. Giải thích thêm nếu nhiều HS có đáp án sai hoặc nếu cần thiết

- **Khởi động:** GV ôn lại bài cũ bằng cách cho HS đóng vai diễn lại hai tình huống giao tiếp trong phần 1, Lesson 1 (nói không nhìn vào sách).
- **Đáp án:** 1b 2a
- **Lời bài nghe:**

1. **Nam:** Hello, I'm Nam.
Quan: Hello, Nam. I'm Quan. Nice to meet you.
2. **Miss Hien:** Hello. I'm Miss Hien.
Class: Hello, Miss Hien. Nice to meet you.

5. Let's write.

Mục tiêu:

Đọc và viết kết hợp

Hoạt động:

Đọc hiểu câu và chọn đúng từ cho sẵn để điền vào chỗ trống

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích bài luyện
- Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ
- Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cho cả lớp
- Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai

- **Đáp án:** 1. Hello, I'm 2. I'm, Hello
- **Ghi chú:**

– Mục đích của việc tổ chức cho HS kiểm tra theo cặp nhằm phát huy tinh thần tương tác, hợp tác và hỗ trợ nhau của HS trong lúc học tập.

– GV nên hướng dẫn cho HS dựa vào văn cảnh (các từ hoặc câu nói đi với nhau) để đoán từ cần điền vào. Cách này sẽ giúp HS làm quen dần với một trong những chiến thuật quan trọng cho việc phát triển kỹ năng đọc hiểu lâu dài.

– GV tham khảo thêm hoạt động mở rộng trong phiếu làm bài tập (*worksheet*) ở cuối unit này.

6. Let's sing.

Mục tiêu:

Củng cố và ôn lại lại ngữ liệu đã học qua dạng bài hát: *Hello*

Hoạt động:

Hát và biểu diễn bằng động tác

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích và nội dung bài hát
- Cho HS quan sát tranh và đọc lời bài hát
- Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (*CD – Track 4*)
- Hướng dẫn và giúp HS học hát từng lời trong bài hát
- Chia lớp làm 3 nhóm theo vai trong bài hát để hát lại trước khi tổ chức cho các nhóm nhỏ tập hát
- Gọi vài nhóm nhỏ hát lại cho cả lớp cùng nghe

Ghi chú:

- Các bài hát và bài chant là những dạng bài tập phát âm có tính tự nhiên và mang lại nhiều hứng thú cho HS trong khi rèn luyện.
- Việc hát chung với nhau sẽ giúp các HS không tự tin vượt qua sự rụt rè và e ngại của cá nhân trong khi thực hành chung với nhóm.
- Trong lúc luyện hát, các nhân vật hát lời của riêng mình. Riêng hai câu cuối trong bài hát, các nhân vật hát chung với nhau.
- Nên căn cứ vào nội dung để phân đủ vai trong lúc cả lớp hoặc nhóm nhỏ tập hát.
- Trong lúc tập hát, nhắc HS thể hiện nội dung bài hát qua cử chỉ, thái độ và nét mặt.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:

Giới thiệu hai tình huống giao tiếp: *Chào hỏi người đã quen và tạm biệt*

Hoạt động:

Đọc, nghe và nhắc lại

Trình tự:

- Khởi động
- Giới thiệu bài học
- Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS
- Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (*CD – Track 5*)

- **Khởi động:** GV cho HS hát lại bài hát ở cuối Lesson 1 để ôn lại ngữ liệu cũ trước khi giới thiệu bài mới.
- **Giới thiệu bài học:**
GV cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's this? What's his/her name? What are they doing?*
GV cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
GV kiểm tra lại mức độ hiểu bài của HS. Giải thích thêm nếu cần.
GV cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
– Các câu chào hỏi trong Lesson 2 mang tính chất công thức. Do đó chỉ giải thích chức năng cả câu mà không cần phân tích. GV hướng dẫn HS học thuộc lòng các câu giao tiếp trong phần này.

– *Thanks* và *Thank you* được dùng theo phép lịch sự trong giao tiếp giữa những người quen hỏi thăm nhau về sức khoẻ. *Thanks* là cách nói thân mật giữa những người cùng trang lứa; *Thank you* mang tính chất trang trọng hơn.

– *Bye* và *Goodbye* được dùng để nói lời tạm biệt. *Bye* là cách nói thân mật giữa những người cùng trang lứa, *Goodbye* mang tính chất trang trọng hơn.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu hỏi thăm sức khoẻ giữa hai người đã quen biết <i>How are you?</i>
Ngôn ngữ:	<i>Fine, thanks. And you?</i> <i>Fine, thank you.</i> Tên các nhân vật: <i>Mai, Nam, Quan, Phong</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần các mẫu câu trong phần <i>CD – Track 6</i>. Mai: <i>How are you, Nam?</i> Nam: <i>Fine, thanks. And you?</i> Mai: <i>Fine, thank you.</i>• Tiến hành rèn luyện theo từng phần: hỏi, trả lời và sau đây kết hợp hỏi – trả lời. Dùng con rối /hình /thẻ từ /bàn tay để gợi ý cho HS nói theo vai (chia lớp làm hai đóng vai các nhân vật trong sách)• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp• Kiểm tra lại

Ghi chú:

– GV xem lại hướng dẫn của phần này trong Lesson 1.

– Trong khi thực hành chung cả lớp, GV chia lớp theo số vai nhân vật trong sách. GV dùng con rối/ thẻ từ để ra hiệu lệnh cho mỗi nhóm nói phần của mình. Sau đây cho đổi vai.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua
Hoạt động:	Nghe – nói (đóng vai)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp• Kiểm tra lại

Ghi chú: Xem lại phần hướng dẫn của phần này trong Lesson 1.

4. Listen and number.

Mục tiêu: Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu

Hoạt động: Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe

Trình tự:

- Khởi động
- Giới thiệu mục đích bài luyện nghe
- Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật giao tiếp trong từng tranh để HS có thể phân biệt được ai nói với ai nhằm đi đến quyết định đánh số tranh đúng thứ tự đã nghe
- Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh số (*CD – Track 7*)
- Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần

• **Khởi động:** Ôn lại bài cũ bằng cách cho HS đóng vai diễn lại hai tình huống giao tiếp trong phần 1, Lesson 1 (nói không nhìn vào sách) hoặc viết chính tả hay chơi *Slap the board* như trong SGK gợi ý.

• **Đáp án:** a 4 b 3 c 2 d 1

• **Lời bài nghe:**

1. Miss Hien: Hello. I'm Miss Hien. Class: Hello, Miss Hien. Nice to meet you.	2. Nam: How are you, Miss Hien? Miss Hien: I'm fine, thanks. And you Nam: I'm fine, thank you.
3. Miss Hien: Goodbye, class. Class: Goodbye, Miss Hien.	4. Nam: Bye, Mai. Mai: Bye, Nam.

• **Ghi chú:** Cùng là dạng nghe hiểu nhưng *Listen and number* có mức độ khó hơn *Listen and tick* vì HS thể hiện việc nghe hiểu của mình ngoài cách nhận ra nội dung trong tranh mà còn phải nhận ra thứ tự của nội dung nghe bằng cách đánh số tranh.

5. Read and complete.

Mục tiêu: Đọc và viết kết hợp

Hoạt động: Đọc hiểu và điền đúng từ vào các tình huống giao tiếp cho sẵn

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích bài luyện
- Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành
- Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp
- Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai

• **Đáp án:** 1 Goodbye 2 Bye 3 Fine 4 thank you

• **Ghi chú:** GV xem lại phần ghi chú của phần 5 trong Lesson 1.

6. Let's write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Đọc hiểu và điền đúng từ vào tranh thể hiện tình huống giao tiếp
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai

- **Đáp án:** 1 How 2 Fine, thanks

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự b và h trong từ và câu cho sẵn
Ngôn ngữ:	<i>bye, hello</i>
Hoạt động:	Nghe và lặp lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện• Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn nhiều lần (CD – Track 8)• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học nhiều lần• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách để kiểm tra

- **Khởi động:**

- GV có thể cho HS viết chính tả hoặc chơi một trò chơi ngắn để ôn lại các từ trọng điểm đã học trong *Lesson 1* và *2* như *hi, hello, I'm + tên, how are you? fine, thanks, thank you*, v.v.
- Trò chơi có thể dùng trong phần này là *Bingo* hay *Slap the board* (Xem SGK, phần *Activities Bank*).

- **Ghi chú:** GV tham khảo thêm hoạt động mở rộng **3** trong phiếu làm bài tập (*worksheet*) ở cuối unit này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong Lesson 3
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống

- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện. Hướng dẫn thực hành
 - Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền
 - Cho HS nghe 2 lần để điền từ vào chỗ trống (*CD – Track 9*)
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp
 - Gọi một vài HS đọc lại các câu đã viết

- **Đáp án:** 1. bye 2. Hello
- **Lời bài nghe:** 1. Bye, Nam. 2. Hello, Mai.

3. Let's chant.

- Mục tiêu:** Ôn và củng cố lại ngữ liệu đã học qua dạng bài *chant*: *Hello*
- Hoạt động:** Đọc bài *chant* và diễn tả bằng cử chỉ, nét mặt và động tác
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài *chant*
 - Cho HS đọc lời bài *chant*
 - Cho HS nghe qua bài *chant* một hoặc hai lần (*CD – Track 10*)
 - Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài *chant* kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài *chant* theo vai
 - Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập đọc lời *chant* theo vai
 - Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài *chant* và thể hiện nội dung qua cử chỉ, nét mặt và động tác

Ghi chú: GV xem lại phần hướng dẫn *Let's sing* trong Lesson 1.

4. Read and match.

- Mục tiêu:** Ôn lại ngữ liệu cũ trong các Lesson 1 và 2 qua dạng ghép hai câu nói của hai người khác nhau trong lúc tương tác giao tiếp
- Hoạt động:** Đọc hiểu và ghép đúng câu
- Trình tự:**
- Khởi động
 - Giới thiệu mục đích bài luyện
 - Cho HS đọc các câu cho sẵn
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp
 - Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách

- **Đáp án:** 2a 3b 4c
- **Khởi động:** GV hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* phần 4.
- **Ghi chú:** GV xem lại ghi chú trong phần 5 của Lesson 1.

5. Read and write.

- Mục tiêu:** Ôn lại ngữ liệu cũ trong các Lesson 1 và 2
- Hoạt động:** Đọc hiểu câu và điền đúng từ vào chỗ trống

Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện • Cho HS đọc các câu cho sẵn • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp • Gọi một vài HS đọc các câu đã hoàn thành
------------------	---

Đáp án: 1 Hello/Hi 2 I'm 3 Nice 4 How 5 Fine/I'm fine

6. Project

Mục tiêu:	Giúp cho HS sử dụng tiếng Anh tương tác với nhau trong lúc thực hiện nhiệm vụ cũng như trong lúc trình bày sản phẩm
Nội dung:	Làm thủ công một bảng tên có thêm các chi tiết trường và lớp. Sau đó giới thiệu sản phẩm với cả lớp
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án • Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp

Ghi chú:

– GV hướng dẫn cho các em dùng tiếng Anh trong lúc bắt đầu giới thiệu sản phẩm của mình như:

Hello, I'm + tên. This is my name card ...

– HS đưa cao thẻ tên, chỉ vào từng mục School: (tên trường); Class: + tên lớp; Name: (tên HS)

– Và kết thúc bằng *Thank you for listening.*

– GV nên xem thêm các hoạt động trong giấy làm bài tập (*worksheet*) dùng kèm với *Unit 1*. Các hoạt động này nhằm mở rộng và bổ sung thêm các hoạt động trong sách học sinh (SHS) và sách bài tập (SBT).

Worksheet (Unit 1)

Name:

Class: Date:

1. Draw lines to match. Complete and say the sentences.

Example I'm → I'm Phong.



Mai

Miss Hiền

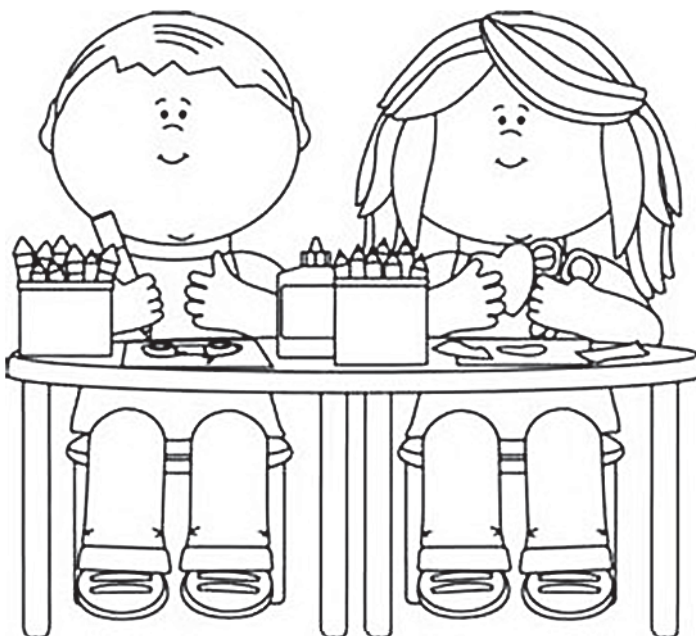
Quân

Phong

Hoa

Nam

2. Colour the pupils.



3. Complete, point and say.



bye



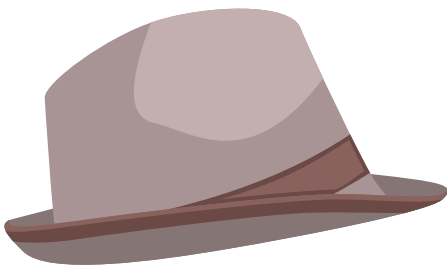
__**ee**



__**at**



hello



__**at**



__**ot**

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- HS có thể hỏi và trả lời tên.
- HS có thể đánh vần tên và hỏi cách đánh vần tên của người khác.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- What's your name? – My name's + tên.
- How do you spell your name? – L-I-N-D-A.

Từ vựng: Linda, Peter, what's, you, your, name, do, spell, bảng chữ cái

Luyện âm: Mai, Peter

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống tự giới thiệu tên mình và trả lời câu hỏi tên giữa Peter và Nam; Linda và Mai
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 11)

- **Khởi động:** GV ôn lại Unit 1 bằng cách chào cả lớp *How are you?* và hướng dẫn cho HS trả lời.
GV đi xuống giữa lớp chào một vài HS và giới thiệu tên mình: *My name's + tên. What's your name?* GV hướng dẫn cho HS trả lời bằng tên của cá nhân.
- **Giới thiệu bài học:** GV chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS. Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's this? What's his/her name?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
 - GV lưu ý HS cách phát âm các cụm từ: *My name's /z/; What's /s/.*
 - Âm /p/ trong từ *Peter* là một âm tương đối khó đọc với HS người Việt. GV lưu ý HS cách phát âm trong khi nhắc lại tên này.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu có chức năng <i>hỏi</i> và <i>trả lời tên</i> <i>What's your name?</i>
Ngôn ngữ:	<i>My name's + tên.</i> <i>Peter, Phong, Linda, Quan</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần mẫu câu trong phần này (CD – Track 11): Peter: <i>What's your name?</i> Phong: <i>My name's Phong.</i>• Rèn luyện theo kỹ thuật thay thế câu trả lời trước khi chuyển sang luyện câu hỏi và trả lời. Dùng con rối/ hình/thẻ từ/ bàn tay để gợi ý cho HS nói theo vai (chia lớp làm hai nhóm để đóng vai người hỏi và người trả lời – theo các nhân vật trong sách)• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp• Kiểm tra lại

Ghi chú:

– GV nên có một bài luyện nhỏ cách phát âm trước khi đi vào rèn luyện mẫu câu: Viết các từ *bye, pie, Peter, Peter Pan* lên bảng. Sau đây dùng 1 tờ giấy kê trước môi và đọc các từ vừa nêu để HS thấy sự khác biệt giữa hai âm /b/ và /p/ (chỉ thực hành từ mà không viết kí hiệu phiên âm lên bảng).

– GV viết các cụm từ *name's* và *what's* lên bảng và đánh số: 1. *name's*, 2. *what's*. Nói số và làm mẫu hai lần và để HS đọc lại nhiều lần. GV gợi ý cho HS đọc lại bằng cách nói số.

Ví dụ: GV nói số 1; HS nói *name's*. GV nói số 2. HS nói *what's*. Cho HS thực hành vài lần.

– Việc rèn luyện mẫu câu trong phần này nên theo trình tự luyện câu hỏi trước rồi đến câu trả lời. Sau cùng mới kết hợp hỏi và trả lời. GV chia lớp làm 2 nhóm. Một nhóm hỏi và một nhóm trả lời theo vai các nhân vật trong sách. GV dùng con rối/bảng tên/bàn tay ra hiệu và nói tên nhân vật để gợi ý cho hai nhóm thực hành. GV cho hai nhóm đổi vai trước khi chuyển sang phần thực hành theo cặp.

– GV chú ý ngữ điệu xuống ở cuối câu hỏi và câu trả lời trong phần rèn luyện này.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua
Hoạt động:	Nghe – nói (đóng vai)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp• Kiểm tra lại• Cho HS đóng vai các tình huống giao tiếp trong phần 1 (HS không nhìn vào sách)

Ghi chú:

– GV tham khảo cách dạy phần này trong Unit 1.

– GV giải thích cho HS hình thức rút ngắn *what's* và *name's* dùng trong khi nói bình thường. Chỉ dùng hình thức đầy đủ *what is* và *my name is* khi người nói cố ý nhấn mạnh.

4. Listen and tick.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện nghe• Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật giao tiếp trong từng tranh để các em có thể phân biệt được ai nói với ai nhằm đi đến quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu• Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (<i>CD – Track 12</i>)• Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần

• **Khởi động:** GV ôn lại bài cũ bằng cách gọi vài cặp HS lên trước lớp để đóng vai lại phần 1 trong Lesson 1 dùng tên thật của các em.

• **Đáp án:** 1. a 2. b

• **Lời bài nghe:**

1. *Linh:* I'm Linh. What's your name?
Peter: Hello, Linh. My name's Peter. Nice to meet you.

2. *Nam:* Hi. My name's Nam. What's your name?
Linda: Hello, Nam. I'm Linda. Nice to meet you.

5. Look and write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh tình huống, đọc và điền từ vào chỗ trống
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai

• **Đáp án:** 1. My name's 2. Mai, My name's

• **Ghi chú:**

GV gợi ý cho HS nhận xét về kỹ thuật viết câu: viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng. Cuối câu tận cùng bằng dấu hỏi nếu là câu hỏi và dấu chấm câu nếu là câu trần thuật.

6. Let's sing.

Mục tiêu:	Dạy các chữ cái trong bảng mẫu tự qua dạng bài hát: <i>The alphabet song</i>
Hoạt động:	Hát và biểu diễn bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích và nội dung bài hát• Cho HS quan sát tranh và đọc lời bài hát• Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (<i>CD – Track 13</i>)• Hướng dẫn và giúp HS học hát từng lời trong bài hát• Gọi vài nhóm nhỏ hát lại cho cả lớp cùng nghe

Ghi chú:

- GV giải thích cho HS hiểu nội dung bài hát trước khi bắt đầu việc tập hát.
- Bài hát này dạy tên cách đọc tên các chữ cái. Còn cách phát âm của chữ cái trong từ được dạy trong phần Phonics (ở đầu Lesson 3 mỗi Unit). Một số chữ cái được lựa chọn để dạy trong phần *Phonics* thường dựa vào mức độ xuất hiện trong phần ngôn ngữ rèn luyện và có so sánh với cách phát âm của chữ cái tương đương bên tiếng Việt.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp: <i>Học và trả lời cách đánh vần tên</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (<i>CD – Track 14</i>)

- **Khởi động:** GV cho HS hát lại *The alphabet song* ở cuối Lesson 1.
- **Giới thiệu bài học:**
GV chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS.
GV cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's this? What's his/her name? How do you spell his/her name?*
GV cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:** GV hướng sự chú ý của HS về cách đánh vần tên và ngữ điệu trong khi đánh vần.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện cách hỏi và trả lời về việc đánh vần tên
Ngôn ngữ:	<i>How do you spell your name? – L-I-N-D-A.</i> <i>Nam, Linda, Peter, Quan</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện • Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần (<i>CD – Track 15</i>): Nam: <i>How do you spell your name?</i> Linda: <i>L-I-N-D-A.</i> • Luyện riêng câu trả lời trước khi ghép lại câu hỏi – câu trả lời • Dùng con rối/ hình/ thẻ từ/ nói tên nhân vật để gợi ý cho HS thực hành theo vai (chia lớp theo vai các nhân vật trong sách) • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp • Kiểm tra lại.

Ghi chú:

- GV giải thích cho HS hiểu cách đánh vần tên hay một từ.

- GV lưu ý HS ngữ điệu xuống cuối câu của câu hỏi và câu trả lời, đặc biệt là trong khi đánh vần.
- Trong khi thực hành chung cả lớp, GV chia lớp theo số vai nhân vật trong sách. GV dùng con rối/ thẻ từ/ khẩu lệnh để ra hiệu lệnh cho mỗi nhóm nói phần của mình. Sau đấy cho đổi vai.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua
Hoạt động:	Nghe – nói (đóng vai)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu mục đích của hoạt động • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp để ôn lại các mẫu câu: <i>What's your name? How do you spell your name?</i> • Kiểm tra lại

Khởi động: GV cho HS chơi trò *Spelling Bee* đánh vần tên của một số HS trong lớp.

4. Listen and number.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu mục đích bài luyện nghe • Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật giao tiếp trong từng tranh để các em có thể phân biệt được ai nói với ai nhằm đi đến quyết định đánh số tranh đúng thứ tự đã nghe • Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh số thứ tự (<i>CD – Track 16</i>) • Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần

- **Khởi động:** GV ôn lại bài cũ bằng cách cho HS đóng vai diễn lại hai tình huống giao tiếp trong phần 1, *Lesson 1* (HS không nhìn vào sách) hoặc nghe đánh vần và viết một số tên nước ngoài để làm quen như: *Peter, Linda, Tony, Tom, Alex, Annie, Jack*, v.v. Sau khi HS đã viết xong, GV hướng dẫn cho HS đọc các tên đã viết, chú ý đọc đúng trọng âm trên âm tiết được nhấn.

- **Đáp án:** a 4 b 2 c 1 d 3

- **Lời bài nghe:**
 1. *Peter:* My name's Peter.
Mai: Hello, Peter. My name's Mai.
 2. *Linda:* My name's Linda. What's your name?
Quan: Hi, Linda. My name's Quan.
 3. *Mai:* How do you spell your name?
Linda: L-I-N-D-A.
 4. *Quan:* How do you spell your name?
Peter: P-E-T-E-R.

5. Read and match.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Đọc hiểu và ghép các mẫu hội thoại đúng với tranh cho sẵn
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi 3 cặp HS đọc lại các mẫu hội thoại theo vai

- **Đáp án:** 1. c 2. b 3. a
- **Ghi chú:** Trong phần sau hoạt động đọc - ghép, GV có thể mở rộng hoạt động bằng cách cho HS chơi trò chơi: nghe và chỉ người nói trong tranh.

Ví dụ:

GV nói *Listen and point to the character.*

Hi, my name's Linda.

HS chỉ vào hình Linda trong tranh c.

Sau khi hướng dẫn chung cho cả lớp, GV tổ chức cho HS chơi theo cặp.

6. Let's write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh, đọc hiểu và điền đúng từ vào chỗ trống
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai

Đáp án: Trong tranh là một HS bất kì, do đó HS có thể điền tên theo ý muốn.

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự <i>m</i> và <i>p</i> trong từ và câu
Ngôn ngữ:	<i>Mai</i> – <i>My name's Mai.</i> <i>Peter</i> – <i>Hello, Peter.</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện• Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (<i>CD – Track 17</i>)• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách

• **Khởi động:**

GV có thể cho HS chơi trò chơi đánh vần *Spelling Bee*. GV đánh vần các tên riêng nước ngoài khá phổ biến như *Tom, John, Mary, Alex, Fred, Sam, Annie, v.v.* để HS làm quen dần với các tên này. Sau đó cho HS đọc lại các tên đã viết ra.

- **Ghi chú:** GV tham khảo thêm hoạt động mở rộng **3** trong phiếu làm bài tập (*worksheet*) ở cuối unit này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong Lesson 3
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện• Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền• Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (<i>CD – Track 18</i>)• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách

- **Đáp án:** 1. Peter 2. Mai
- **Lời bài nghe:** 1. Hello, Peter. 2. My name's Mai.

3. Let's chant.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại cách hỏi và trả lời tên đã học qua dạng bài <i>chant</i> : <i>What's your name?</i>
Hoạt động:	Đọc bài <i>chant</i> và diễn tả bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài <i>chant</i>• Cho HS đọc nội dung bài <i>chant</i>• Cho HS nghe qua bài <i>chant</i> một hoặc hai lần (<i>CD – Track 18</i>)• Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài <i>chant</i> kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài <i>chant</i> theo vai• Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập <i>chant</i> theo vai• Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài <i>chant</i> và thể hiện nội dung qua động tác

4. Read and match.

Mục tiêu:	Ôn lại ngữ liệu cũ trong các Lesson 1 và 2 qua dạng ghép câu.
Hoạt động:	Đọc hiểu và ghép đúng câu của hai người nói khác nhau
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện• Cho HS đọc các câu cho sẵn• Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách

- **Đáp án:** 1b 2d 3a 4c
- **Khởi động:** Hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* ở phần 3.

5. Read and complete.

Mục tiêu:	Ôn lại ngữ liệu cũ trong các Lesson 1 và 2
Hoạt động:	Đọc hiểu và điền đúng từ vào các đoạn hội thoại cho sẵn
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện • Cho HS đọc các câu cho sẵn • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp • Gọi một vài HS đọc các câu đã hoàn thành

Đáp án: 1 My 2 Hi 3 How 4 What's 5 name's

6. Project

Mục tiêu:	Giúp cho HS sử dụng tiếng Anh tương tác với nhau trong lúc thực hiện nhiệm vụ cũng như trong lúc trình bày sản phẩm
Nội dung:	Hỏi tên
Hoạt động:	HS tương tác với nhau: chào và hỏi tên
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án • Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp

Ghi chú: GV hướng dẫn HS sử dụng các câu nói tiếng Anh trong lúc bắt đầu giới thiệu tương tác:

*Hello. My name's + tên. And your name? What's your name?
How do you spell your name? Thank you.*

Worksheet (Unit 2)

Name:

Class: Date:

1. Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box. There are two examples.

Examples:



My name's Peter.



My name's Mai.

1 My name's Nam.



2 My name's Linda.



3 My name's Phong.



4 My name's Hoa.



5 My name's Quan.



2. Complete, point and say.



Mai



__um



__ouse



Peter



__an



__ot

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- HS có thể giới thiệu một người khác.
- HS có thể hỏi và trả lời về một người khác.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- This is + tên
- Is this/ that + tên? – Yes, it is./ No, it isn't.

Từ vựng: this, that, yes, no.

Luyện âm: Tony, yes

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD, các dụng cụ cần thiết để vẽ và trang trí như bút chì, bút chì màu, bảng màu, cọ.

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp: <i>cô giáo giới thiệu Tony và Linda với cả lớp</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (<i>CD – Track 20</i>)

- **Khởi động:** GV ôn lại *Unit 2* bằng cách cho cả lớp đọc lại bài chant *What's your name?* ở trang 16.
- **Giới thiệu bài học:**
GV chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS.
GV cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho HS trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's this? What's his/her name?*
GV cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
Giải thích và minh họa nghĩa của *this* (dùng ngón tay hoặc bàn tay chạm vào vật, tranh)

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu có chức năng <i>giới thiệu người khác</i>
Ngôn ngữ:	<i>This is</i> + tên. <i>Linda, Peter, Tony, Quan</i>

Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện • Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần mẫu câu trong phần này (CD – Track 20): Miss Hien: <i>This is Peter.</i> Class: <i>Hello, Peter. Nice to meet you.</i> • Rèn luyện theo kỹ thuật thay thế câu giới thiệu trước khi chuyển sang luyện câu đáp lại. Dùng con rối/ hình/ thẻ từ/ bàn tay để gợi ý cho HS nói theo vai (chia lớp làm hai nhóm để đóng vai người hỏi và người trả lời – theo các nhân vật trong sách) • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp • Kiểm tra lại

Ghi chú:

- GV nên có một bài luyện phát âm nhỏ trước khi đi vào rèn luyện mẫu câu.
- GV viết các từ *This is* ... lên bảng và phát âm vài lần cụm từ này, vẽ dấu nối *This is* để HS chú ý cách đọc nối từ.
- GV lưu ý và cho HS rèn luyện đọc các từ *Peter* và *Tony*. Chú ý cách phát âm /p/ và /t/ khác với tiếng Việt. GV không viết dấu phiên âm lên bảng, chủ yếu cho HS nhận ra cách phát âm các mẫu tự nêu trên và thực hành.
- GV lưu ý HS ngữ điệu xuống của câu giới thiệu và câu đáp lại lời giới thiệu.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua
Hoạt động:	Giới thiệu một người và đáp lại lời giới thiệu
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích của hoạt động • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp • Kiểm tra lại • Cho HS đóng vai các tình huống giao tiếp trong phần 1 (nói không nhìn vào sách)

Khởi động: GV cho HS chơi trò *Spelling Bee* hoặc viết chính tả các tên nước ngoài.

4. Listen and tick.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu mục đích bài luyện nghe • Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật giao tiếp trong từng tranh để HS có thể phân biệt được ai nói với ai nhằm đi đến quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu • Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (CD – Track 21) • Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần thiết

- **Khởi động:** GV ôn lại bài cũ bằng cách gọi vài cặp HS lên trước lớp để đóng vai lại phần 1. *Look, listen and repeat* trong *Lesson 1* dùng tên thật của HS.
- **Đáp án:** 1. a 2. b
- **Lời bài nghe:**
 1. *Nam:* Mai, this is Linda.
Mai: Hello, Linda.
 2. *Quan:* Tony, this is Phong.
Phong: Hello, Tony.

5. Look and write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh tình huống, đọc và điền từ vào chỗ trống
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp • Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai

- **Đáp án:** 1 This is; Hello, Nam 2 This is; Hello, Phong
- **Ghi chú:**
GV gợi ý cho HS nhận xét về kỹ thuật viết câu: viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng; cuối câu tận cùng bằng dấu hỏi nếu là câu hỏi và dấu chấm câu nếu là câu trần thuật.

6. Let's sing.

Mục tiêu:	Củng cố và ôn lại ngữ liệu đã học qua dạng bài hát: <i>How are you?</i>
Hoạt động:	Hát và biểu diễn bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích và nội dung bài hát • Cho HS quan sát tranh và đọc lời bài hát • Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (<i>CD – Track 22</i>) • Hướng dẫn và giúp HS học hát từng lời trong bài hát • Chia lớp làm 2 nhóm: một nhóm hát câu 1 và 3 và nhóm còn lại hát câu 2. Sau đó cả hai nhóm hát các câu còn lại. Sau một lượt thì đổi vai • Gọi vài nhóm nhỏ hát lại cho cả lớp cùng nghe

Ghi chú: GV lưu ý HS cách phát âm tên *Peter* trong khi hát.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp: <i>hỏi và trả lời về người khác</i>
Hoạt động:	Nghe và luyện đọc
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (<i>CD – Track 23</i>)

- **Khởi động:** GV cho HS hát lại bài hát *How are you?* ở trang 19 trước khi giới thiệu bài mới.
- **Giới thiệu bài học:**
GV cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp trong từng tranh như *Who's she/he? Is that Tony/ Quan?*
GV cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:** GV hướng sự chú ý của HS về cách đọc tên *Peter* trong khi hát.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện cách hỏi và trả lời về người khác
Ngôn ngữ:	<i>Is that + tên? – Yes, it is./ No, it isn't.</i> <i>Peter, Tony, Mai, Hoa, Mary, Linda</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện • Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần (CD – Track 24) Mai: <i>Is that Peter?</i> Nam: <i>Yes, it is.</i> Mai: <i>Is that Mary?</i> Nam: <i>No, it isn't. It's Linda.</i> • Luyện riêng từng câu hỏi và từng câu trả lời trước khi ghép lại câu hỏi – câu trả lời • Dùng con rối/ hình/ thẻ từ/ nói tên nhân vật để gợi ý cho HS thực hành theo vai (chia lớp theo vai các nhân vật trong sách) • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp. • Kiểm tra lại

Ghi chú:

- GV nên có một bài tập phát âm trước khi đưa HS vào việc rèn luyện mẫu câu.
- GV làm mẫu cách phát âm từ *that* và cho HS lặp lại vài lần. GV hướng dẫn HS cách phát âm của /ð/ (vị trí của răng và lưỡi) và âm /t/ (âm gió) ở cuối từ. Nhiều HS có khuynh hướng chuyển đổi âm /ð/ thành âm /d/ trong khi nói.
- GV hướng dẫn HS nói nối các từ *it is* và cách phát âm *isn't* (âm /z/).
- GV giải thích và minh họa nghĩa của *that* (dùng ngón tay hoặc bàn tay chỉ vào vật ở xa).
- GV giải thích cách nói rút gọn *it's = it is; isn't = is not* (Xem lại cách giải thích trong các Unit 1 và 2).
- GV lưu ý HS ngữ điệu lên cuối câu hỏi *Is that...?* và ngữ điệu xuống cuối câu của các câu trả lời.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua
Hoạt động:	Hỏi và trả lời về người khác: <i>Is that + tên? – Yes, it is./ No, it isn't.</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích của hoạt động • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp. • Kiểm tra lại

- **Khởi động:** GV cho HS chơi trò Bingo hoặc viết chính tả, dùng các tên riêng, đặc biệt là các tên nước ngoài.
- **Ghi chú:** GV hướng dẫn HS dùng tên thật của các bạn trong lớp để thực hành.

4. Listen and number.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu mục đích bài luyện nghe • Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật trong từng tranh để các em có thể phân biệt được ai nhằm đi đến quyết định đánh số tranh đúng thứ tự đã nghe • Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh số (<i>CD – Track 25</i>) • Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần

- **Khởi động:** GV ôn lại bài cũ bằng cách cho HS đóng vai diễn lại hai tình huống giao tiếp trong phần 1, *Lesson 1* (nói không nhìn vào sách).

- **Đáp án:** a3 b2 c1 d4

- **Lời bài nghe:**

1.	Nam: Is that Linda?
	Hoa: Yes, it is.
2.	Quan: Is that Peter?
	Mai: No, it isn't. It's Tony.
3.	Mai: Is that Peter?
	Tony: Yes, it is.
4.	Hoa: Is that Linda?
	Phong: No, it isn't. It's Mai.

5. Look, read and answer.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh, đọc hiểu câu hỏi để viết đúng câu trả lời <i>Yes, it is.</i> hoặc <i>No, it isn't.</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp • Gọi 3 cặp HS đọc lại các mẫu hội thoại theo vai

- **Đáp án:** 1 Yes, it is 2 No, it isn't 3 Yes, it is 4 No, it isn't

- **Ghi chú:** Trong phần sau hoạt động đọc – viết câu trả lời, GV có thể mở rộng hoạt động bằng cách cho HS đóng vai hỏi và trả lời, dùng con rối hoặc tên thật của HS trong lớp.

6. Let's play.

Mục tiêu:	Ôn lại mẫu câu đã học qua dạng trò chơi <i>Line-up</i>
Hoạt động:	GV đọc câu, HS xếp hàng cầm bảng có chữ để ráp thành câu

Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành • Gọi một HS lên nhìn và đọc lại từng câu theo sự thực hiện
------------------	---

Ghi chú: Ngoài các câu mới học như *That is + tên, Is that + tên?* GV có thể dùng trò chơi này để ôn lại các câu mà HS đã học như: *How are you? / I'm fine. Thank you./ My name's Linda/Peter.*

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự t và y trong từ và câu.
Ngôn ngữ:	<i>Tony – Is that Tony?</i> <i>Yes – Yes, it is.</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu mục đích bài luyện • Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (CD – Track 26) • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học • Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách

- **Khởi động:** GV có thể cho HS chơi trò chơi *Slap the words*, dùng các từ *Peter, Pike, Pan, Pie, Pip, Pick*. để HS làm quen dần với cách phát âm các từ bắt đầu bằng âm /p/. Sau đó cho HS đọc lại các tên đã viết ra.

- **Ghi chú:**

GV tham khảo thêm hoạt động mở rộng 3 trong phiếu làm bài tập (*worksheet*) ở cuối bài học này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong <i>Lesson 3</i>
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện • Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền • Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (CD – Track 27) • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp • Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách

- **Đáp án:** 1 Tony 2 Yes

- **Lời bài nghe:** 1. That is Tony. 2. Yes, it is.

3. Let's chant.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại hỏi và trả lời về một người khác qua dạng bài <i>chant</i> : <i>Is that Nam?</i>
------------------	---

Hoạt động:	Đọc bài <i>chant</i> và diễn tả bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài <i>chant</i> • Cho HS đọc nội dung bài <i>chant</i> • Cho HS nghe qua bài <i>chant</i> một hoặc hai lần (<i>CD – Track 28</i>) • Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài <i>chant</i> kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài <i>chant</i> theo hai nhóm: hỏi và trả lời • Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập <i>chant</i> theo vai hỏi và trả lời • Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài <i>chant</i> và thể hiện nội dung qua động tác

4. Read and complete.

Mục tiêu:	Ôn lại các từ đã học qua dạng điền khuyết
Hoạt động:	Đọc hiểu và điền từ còn thiếu vào câu cho sẵn
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu mục đích bài luyện • Cho HS đọc các câu cho sẵn • Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp • Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách

- **Đáp án:** 1 This 2 Hello 3 that 4 isn't
- **Khởi động:** GV hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* ở phần 3.

5. Look, read and write.

Mục tiêu:	Ôn lại ngữ liệu cũ trong các <i>Lesson 1</i> và <i>2</i>
Hoạt động:	Xem tranh, đọc hiểu và điền đúng từ chỗ trống
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện • Cho HS đọc các câu cho sẵn • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp • Gọi một vài HS đọc các câu đã hoàn thành

Đáp án: 1 Mai 2 Nam 3 Phong 4 Linda 5 Peter

6. Project

Mục tiêu:	Giúp HS sử dụng tiếng Anh tương tác với nhau trong lúc thực hiện nhiệm vụ cũng như trong lúc trình bày sản phẩm
Nội dung:	Vẽ một bạn thân
Hoạt động:	HS tương tác với nhau: hỏi tên người được vẽ
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án • Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp

Ghi chú: GV hướng dẫn cho các em sử dụng các câu nói tiếng Anh để trả lời các câu hỏi: *Who do you want to draw? / What's his/ her name? / Is that your best friend?* (GV giải thích để HS hiểu câu hỏi nếu cần. Hành động này giúp hỗ trợ hoạt động tương tác giữa GV và HS và giữa HS với nhau, đồng thời giúp HS làm quen dần với những câu tiếng Anh đơn giản, thường dùng).

Worksheet (Unit 3)

Name:

Class: Date:

1. Look and read. Write **yes** or **no**.

Examples:



That's Nam.

yes



That's Phong.

no



1 That's Linda.



2 That's Peter.



3 That's Tony.



4 That's Phong.



5 That's Miss Hien.

2. Complete, point and say.



Tony



 im



 ea



yes



 o-yo



 atch

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- HS có thể hỏi và trả lời về một người khác.
- HS có thể hỏi và trả lời về tuổi của một người khác.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- Who's that? – It's + tên.
- How old are you? – I'm + tuổi.

Từ vựng: who, how old

Luyện âm: five, six

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp: <i>hai bạn hỏi về một người khác ở xa chỗ đang đứng</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu bài học• Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS• Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 29)

- **Khởi động:** GV ôn lại *Unit 3* bằng cách cho cả lớp đọc lại bài chant *Is that Nam?* ở trang 22.
- **Giới thiệu bài học:** GV chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS. GV cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho HS trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's that? Is that Tony/Mr Loc?* GV cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
GV chú ý cách phát âm của các từ và cụm từ *Who's, that, it's*.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu có chức năng <i>hỏi về người khác</i>
Ngôn ngữ:	<i>Who's that? It's + tên.</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý)

- Trình tự:**
- Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.
 - Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần mẫu câu trong phần này (CD – Track 29)
- Nam:** *Who's that?*
Peter: *It's Mr Loc.*
- Rèn luyện theo kỹ thuật thay thế câu trả lời trước khi chuyển sang luyện câu hỏi và trả lời. GV dùng con rối/ hình/ thẻ từ/ bàn tay để gợi ý cho HS nói theo vai (GV chia lớp làm hai để đóng vai người hỏi và người trả lời – theo các nhân vật trong sách).
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp đóng vai các nhân vật trong sách
 - Kiểm tra lại

Ghi chú:

- GV nên có một bài luyện phát âm ngắn trước khi đi vào rèn luyện mẫu câu.
- GV viết các từ và cụm từ *who's, that, it's* lên bảng và phát âm vài lần làm mẫu và sau đây hướng dẫn cho HS thực hành.
- Một số HS thường có khó khăn với việc phát các âm cuối /z/ và /s/ như trong *who's /z/, it's /s/*
- GV dùng hình để giải thích và minh họa các từ *Mr, Miss* và bổ sung thêm từ *Mrs.*
- GV giải thích cách dùng dạng rút ngắn *who is = who's* trong khi nói.
- Lưu ý HS ngữ điệu xuống cuối câu hỏi và câu trả lời *Who's that?*

3. Let's talk.

- Mục tiêu:** Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua
- Hoạt động:** Nghe – nói (đóng vai)
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích của hoạt động
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp
 - Kiểm tra lại
 - Cho HS đóng vai các tình huống giao tiếp trong phần 1 (nói không nhìn vào sách)

- **Khởi động:** GV cho HS chơi trò *Slap the board* dùng các tên nước ngoài hoặc tranh nhân vật.
- **Ghi chú:** GV có thể cho HS dùng tên thật trong phần này.

4. Listen and tick.

- Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
- Hoạt động:** Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓
- Trình tự:**
- Khởi động
 - Giới thiệu mục đích bài luyện nghe
 - Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật trong từng tranh để các em có thể phân biệt được từng người nhằm đi đến quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu
 - Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (CD – Track 30)
 - Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần thiết

- **Khởi động:** GV ôn lại bài cũ bằng cách gọi vài cặp HS lên trước lớp để đóng vai lại phần 1 trong *Lesson 1*. GV có thể cho HS dùng tên thật trong phần này.
- **Đáp án:** 1. b 2. a
- **Lời bài nghe:**

1. <i>Nam:</i> Who's that? <i>Mai:</i> It's Tony.	2. <i>Nam:</i> And who's that? <i>Mai:</i> It's Mr Loc.
--	--

5. Read and write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh tình huống, đọc và điền từ vào chỗ trống
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp • Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai

- **Đáp án:** 1 Who's 2 Who's that
- **Ghi chú:** GV có thể mở rộng hoạt động này bằng cách cho HS quan sát tranh và đoán tên các nhân vật A và B bên dưới tranh. Sau đó GV cho HS đọc lại hai đoạn hội thoại này.

6. Let's write.

Mục tiêu:	Ôn lại cấu trúc câu hỏi và trả lời về tên các nhân vật nước ngoài qua tranh
Hoạt động:	Xem tranh, đọc và viết câu trả lời

Ghi chú: GV lưu ý HS cách phát âm các tên *Tony, Mary, Peter* và *Linda*.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp trong lớp: <i>hỏi và trả lời về tuổi của người khác</i>
Hoạt động:	Nghe và luyện đọc
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (<i>CD – Track 31</i>).

- **Khởi động:** GV cho HS chơi trò *Slap the board*, dùng tranh hoặc viết lên bảng tên các nhân vật đã học trong các bài trước. Sau khi trò chơi đã kết thúc, GV dùng con rối hoặc tranh để gợi ý cho cả lớp hỏi và trả lời (GV chia lớp thành hai nhóm: một nhóm hỏi và một nhóm trả lời. Sau đó đổi vai) ôn lại mẫu câu: *Who's that? How old is he/she?*
- **Ghi chú:** GV lưu ý cách đọc nổi cụm từ *years old*.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện cách hỏi và trả lời về tuổi của người đối thoại <i>How old are you? - I'm + tuổi.</i>
Ngôn ngữ:	Số đếm từ 1–10
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý)
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần (<i>CD – Track 32</i>): Miss Hien: <i>How old are you, Tom?</i> Tom: <i>I'm nine years old.</i>• Luyện riêng từng câu trả lời trước khi luyện câu hỏi – câu trả lời• Dùng con rối/ hình/ thẻ từ nói tên nhân vật để gợi ý cho HS thực hành theo vai (chia lớp theo vai các nhân vật trong sách)• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp• Kiểm tra lại

Ghi chú:

- GV nên có một bài tập dạy đọc số từ 1 – 10 trước khi đưa HS vào việc rèn luyện mẫu câu. GV lưu ý cách phát âm các số, đặc biệt các số có các chữ cái đầu từ hoặc cuối từ phát âm không giống như các chữ cái tương đương trong hệ thống âm của tiếng Việt như *two, three, four, five, six, seven, eight, nine, ten* và các phụ âm cuối từ vì HS Việt Nam thường có khuynh hướng bỏ không đọc các phụ âm này.
- GV lưu ý HS cách đọc nối trong cụm từ *years old*.
- GV chú ý ngữ điệu xuống cuối câu hỏi và câu trả lời *How old are you? – I'm...*

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua
Hoạt động:	Hỏi và trả lời <i>How old are you? – I'm...</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp• Kiểm tra lại

- **Khởi động:** GV cho HS chơi trò *Bingo* hoặc *Tic-Tac-Toe* dùng số đếm từ 1–10.
- **Ghi chú:** HS có thể tưởng tượng ra các tuổi khác nhau khi thực hành để đa dạng hoá hoạt động này.

4. Listen and write.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và viết số tuổi vào đúng ô cho sẵn

Trình tự:

- Khởi động
- Giới thiệu mục đích bài luyện nghe
- Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật trong từng tranh để HS có thể phân biệt từng người và từ đó đi đến quyết định viết đúng số tuổi đã nghe
- Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; Lần 2: HS vừa nghe vừa điền số tuổi vào
- Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần

- **Khởi động:** GV ôn lại bài cũ bằng cách cho HS đóng vai diễn lại hai tình huống giao tiếp trong phần 1, *Lesson 1* (nói không nhìn vào sách). Sau đấy GV cho cả lớp đọc lại các số từ 1-10.

- **Đáp án:** 1 six 2 seven 3 eight 4 ten

- **Lời bài nghe:**

1. Miss Hien: How old are you? Girl: I'm six years old.	2. Miss Hien: How old are you? Boy: I'm seven years old.
3. Mr Loc: How old are you? Girl: I'm eight years old.	4. Mr Loc: How old are you? Boy: I'm ten years old.

5. Read and tick.

Mục tiêu:

Đọc và viết kết hợp

Hoạt động:

Xem tranh, đọc hiểu lời nói để đánh dấu đúng ô cho sẵn về số tuổi

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích bài luyện
- Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ
- Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp
- Gọi 4 HS đọc lại các câu nói

- **Đáp án:** 1 6 2 8 3 10 4 10

- **Ghi chú:** GV có thể mở rộng hoạt động bằng cách dùng tranh gợi ý cho HS câu nói mà không nhìn chữ.

6. Let's sing.

Mục tiêu:

Ôn lại các số đã học qua dạng bài hát: *Let's count from one to ten*

Hoạt động:

Hát và biểu diễn bằng động tác

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích và nội dung bài hát
- Cho HS quan sát tranh và đọc lời bài hát
- Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (*CD – Track 34*)
- Hướng dẫn và giúp HS học hát từng lời trong bài hát
- Gọi vài nhóm nhỏ hát lại cho cả lớp cùng nghe

Khởi động: GV cho cả lớp đếm lại từ 1- 10 hoặc chơi trò *Spelling Bee* đánh vần chữ số.

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự <i>f</i> và <i>s</i> trong từ và câu
Ngôn ngữ:	<i>five – I’m five years old.</i> <i>six – I’m six years old.</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện• Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (CD – Track 35)• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách

- **Khởi động:** GV cho HS hát lại bài hát *Let’s count from one to ten* ở trang 27.
- **Ghi chú:** GV có thể tham khảo thêm hoạt động mở rộng **3** trong phiếu làm bài tập (*worksheet*) ở cuối bài học này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong <i>Lesson 3</i>
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện• Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền• Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (CD – Track 36)• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách

- **Đáp án:** **1** five **2** six
- **Lời bài nghe:** **1.** I’m five years old. **2.** I’m six years old.

3. Let’s chant.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại cách hỏi và trả lời về tuổi của người đối thoại qua dạng bài hát theo nhịp (<i>chant</i>): <i>How old are you?</i>
Hoạt động:	Đọc bài chant và diễn tả bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài <i>chant</i>• Cho HS đọc nội dung bài <i>chant</i>• Cho HS nghe qua bài chant một hoặc hai lần (CD – Track 37)• Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài <i>chant</i> kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài <i>chant</i> theo hai nhóm: hỏi và trả lời• Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập <i>chant</i> theo vai hỏi và trả lời• Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài <i>chant</i> và thể hiện nội dung qua động tác

4. Read and match.

Mục tiêu:	Ôn lại mẫu câu đã học qua dạng câu hỏi và câu trả lời
Hoạt động:	Đọc hiểu và ghép câu hỏi với câu trả lời
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện• Cho HS đọc các câu cho sẵn• Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách

- **Đáp án:** 1c 2a 3b
- **Khởi động:** Hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* ở phần 3.

5. Read and write.

Mục tiêu:	Ôn lại mẫu câu hỏi và trả lời về tuổi
Hoạt động:	Đọc và điền từ vào chỗ trống
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện• Cho HS đọc các câu cho sẵn• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp• Gọi một vài HS đọc các câu đã hoàn thành

Đáp án: 1 How old, I'm 2 How old, I'm, years old

6. Project

Mục tiêu:	Giúp cho HS sử dụng tiếng Anh tương tác với nhau trong lúc thực hiện nhiệm vụ cũng như trong lúc trình bày lại
Nội dung:	Viết tên và tuổi của bạn được phỏng vấn
Hoạt động:	HS tương tác với nhau: hỏi tuổi của bạn được phỏng vấn
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án• Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp

Ghi chú: GV hướng dẫn HS sử dụng các câu nói tiếng Anh để trình bày lại kết quả đã thu được: HS nói: *Hello, my name's This is my work.* HS chỉ vào từng tên trên tờ giấy và nói tiếp: *His/Her name is ...;* Sau đó HS chỉ vào cột tuổi và nói: *He/She is ...* và kết thúc bằng *Thank you for your listening.*

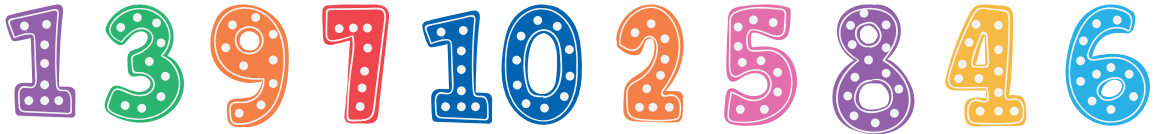
Worksheet (Unit 4)

Name:

Class: Date:

1 Draw a line to match. Then say the number aloud.

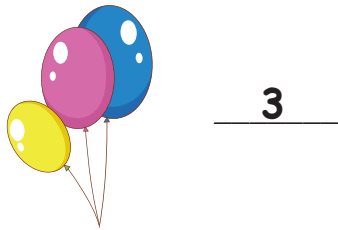
one two three four five



six seven eight nine ten

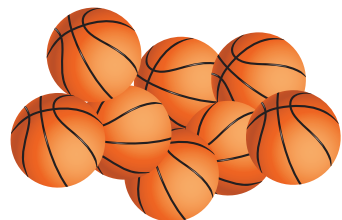
2 Look at the picture. Write the number.

Example





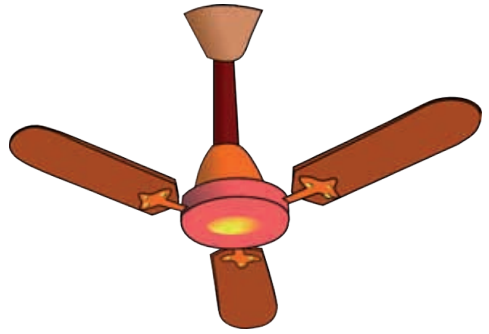




3 Complete, point and say.



five



__an



__oot



six



__even



__aw

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- HS có thể giới thiệu một người bạn và đáp lại lời giới thiệu.
- HS có thể hỏi và trả lời về những người bạn.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- This is my friend + tên.
- Are they your friends?
- Yes, they are./ No, they aren't.

Từ vựng: they, friend, are, aren't, tên riêng

Luyện âm: that, yes

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD, giấy, ảnh và hồ dán để làm bài tập thủ công

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp <i>giới thiệu bạn và đáp lại lời giới thiệu</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 38)

- **Khởi động:** GV ôn lại Unit 4 bằng cách cho cả lớp đọc lại bài hát theo nhịp (*chant*): *How old are you?* ở trang 28.
- **Giới thiệu bài học:** GV chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS. Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's that? Is she Linda's friend?* GV cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
GV chú ý cách phát âm của các từ và cụm từ *Mary, this is* và *my friend*.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu có chức năng <i>giới thiệu bạn và đáp lại</i> <i>..., this is my friend + tên bạn</i>
Ngôn ngữ:	<i>Hello, ... Nice to meet you.</i> <i>Peter, Tony, Hoa, Mary</i>

Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện. • Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần mẫu câu trong phần này (CD – Track 38): Linda: <i>Mai, this is my friend Peter.</i> Mai: <i>Hello, Peter. Nice to meet you.</i> Peter: <i>Hi, Mai.</i> • Rèn luyện theo kĩ thuật thay thế từng câu theo thứ tự: lời giới thiệu rồi đến lời đáp lại. Sau đó mới tổng hợp thành một hoạt động giao tiếp. Dùng con rối/ hình/ thẻ từ/ bàn tay để gợi ý cho HS nói theo vai (chia lớp làm hai để đóng vai người hỏi và người trả lời - theo các nhân vật trong sách). • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp. • Kiểm tra lại.

Ghi chú:

– Nên có một bài luyện nhỏ cách phát âm trước khi đi vào rèn luyện mẫu câu: Viết các từ và cụm từ *Peter, Mary, Tony, this is* lên bảng và phát âm vài lần làm mẫu và sau đó hướng dẫn cho HS thực hành. Đặc biệt với từ *Mary* vì âm /eə/ và các âm gió như /p/, /t/ hay /ð/ không có trong hệ thống âm tiếng Việt.

– Lưu ý HS ngữ điệu xuống cuối câu giới thiệu: *This is my friend + tên.*

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kiến thức ngôn ngữ và kĩ năng đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Giới thiệu bạn cùng đi và đáp lại lời giới thiệu
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích của hoạt động • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp. • Kiểm tra lại. • Cho HS đóng vai các tình huống giao tiếp trong phần 1 (nói không nhìn vào sách).

- **Khởi động:** Cho HS đóng vai diễn lại phần 1. *Look, listen and repeat.*
- **Ghi chú:** Cho HS dùng tên thật trong khi thực hành.

4. Listen and tick.

Mục tiêu:	Rèn luyện kĩ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu mục đích bài luyện nghe. • Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật trong từng tranh để các em có thể phân biệt được người giới thiệu với người được giới thiệu để có thể quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu. • Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (CD – Track 39). • Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần thiết.

- **Khởi động:** Ôn lại bài cũ bằng cách gọi vài cặp HS lên trước lớp để đóng vai lại phần 1 trong *Lesson 1* dùng tên thật của các em.
- **Đáp án:** 1b 2a
- **Lời bài nghe:**

1. <i>Linh:</i> Who's that? <i>Hoa:</i> It's my friend Peter.	2. <i>Nam:</i> Hi, Mary. This is my friend Quan. <i>Quan:</i> Hello, Mary. <i>Mary:</i> Hello, Quan.
--	--

5. Read and write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh tình huống, đọc và điền từ vào chỗ trống.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành. • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp. • Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai.

Đáp án: 1 This is, Hello 2 my friend, Hello

6. Let's sing.

Mục tiêu:	Mở rộng từ vựng theo chủ điểm qua bài hát: <i>The more we are together</i> .
Hoạt động:	Hát và biểu diễn bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích và nội dung bài hát. • Cho HS quan sát tranh và đọc lời bài hát. • Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (<i>CD – Track 40</i>). • Hướng dẫn và giúp HS học hát từng lời trong bài hát. • Gọi vài nhóm nhỏ hát lại cho cả lớp cùng nghe.

Ghi chú:

Giải thích cho HS hiểu nội dung bài hát trước khi bắt đầu việc tập hát.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp: <i>hỏi và trả lời về những người bạn</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động. • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (<i>CD – Track 41</i>). • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học. • Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Khởi động:** Cho HS hát lại bài hát *The more we are together* ở trang 31.
- **Ghi chú:** Lưu ý cách đọc các âm cuối của các cụm từ *that's, aren't* và hình thức số nhiều của *friends /z/*.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện cách hỏi và trả lời về những người bạn
Ngôn ngữ:	<i>Are they your friends? – Yes, they are./ No, they aren't.</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần (CD – Track 42): Nam: <i>Are they your friends?</i> Hoa: <i>Yes, they are.</i> Nam: <i>Are they your friends?</i> Mai: <i>No, they aren't.</i>• Luyện riêng theo thứ tự: câu hỏi trước câu trả lời và sau đó ghép lại câu hỏi – câu trả lời.• Dùng con rối/ hình/ thẻ từ/ nói tên nhân vật để gợi ý cho HS thực hành theo vai (chia lớp theo vai các nhân vật trong sách).• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

Ghi chú:

- Chú ý cách phát âm *yes /jes/* vì nhiều HS gặp khó khăn với việc phát âm */j/* ở đầu từ (Các em này có khuynh hướng chuyển âm */j/* thành âm */z/*).
- Giải thích cách nói rút gọn *they're* và *aren't* (Xem lại *Unit 1*). Lưu ý phụ âm cuối cụm từ *aren't*.
- Lưu ý HS ngữ điệu lên cuối câu hỏi *Are they your friends?* và ngữ điệu xuống cuối các câu trả lời *Yes. they are/ No, they aren't*.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Hỏi và trả lời <i>Are they your friends? – Yes, they are/No, they aren't</i> .
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

- **Khởi động:** Ôn lại cách đọc số ít và số nhiều *friend/ friends*. Sau đó cho làm một bài tập biến đổi (*transformation drill*) trước khi cho HS thực hành mẫu câu trong phần 2.

Gợi ý (prompt)	Mẫu câu thực hành
<i>he/ friend</i>	<i>Is he your friend?</i>
<i>she/ friend</i>	<i>Is she your friend?</i>
<i>they/ friends</i>	<i>Are they your friends?</i>

- **Ghi chú:** Có thể cho HS dùng tên thật của các bạn trong lớp trong khi thực hành giao tiếp.

4. Listen and number.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.• Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật trong từng tranh để các em có thể phân biệt được các nhân vật nào nói chuyện với nhau và giới thiệu ai để đi đến quyết định đánh số thứ tự vào tranh.• Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa đánh số thứ tự vào tranh (<i>CD – Track 43</i>).• Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần.

- **Khởi động:** Ôn lại bài cũ bằng cách cho HS chơi trò *Pelmanism* dùng tranh các nhân vật hoặc tên riêng và các từ cấu trúc *this, that, your, he, she, they, is, are*. Sau đây HS sẽ làm câu với các tên và từ trong trò chơi.

- **Đáp án:** a2 b3 c4 d1

- **Lời bài nghe:**

1. <i>Quan:</i> Who's that? <i>Nam:</i> It's my new friend Tony.	2. <i>Linda:</i> Are Mary and Mai your new friends? <i>Peter:</i> Yes, they are.
3. <i>Peter:</i> Hello, Tony. This is my new friend Hoa. <i>Tony:</i> Hello, Hoa. <i>Hoa:</i> Hi, Tony.	
4. <i>Nam:</i> Hi, Quan. This is my new friend Peter. <i>Quan:</i> Hello, Peter. <i>Peter:</i> Hello, Quan.	

5. Read and complete.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh, đọc hiểu để điền từ cho sẵn vào đúng chỗ trống
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ.• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi 4 HS đọc lại các câu nói.

- **Đáp án:** 1 name 2 nine 3 And 4 friends

- **Ghi chú:** Có thể mở rộng hoạt động bằng cách cho HS tự nói (đọc thoại). HS có thể dùng tên và ảnh của bạn mình để giới thiệu.

6. Write about you and your friends.

Mục tiêu:	Giúp HS dùng kiến thức và kỹ năng đã học để có thể viết về cá nhân và bạn bè.
Hoạt động:	Đọc hướng dẫn và viết.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo nhóm.• Gọi một hoặc hai HS trình bày bài viết của mình với cả lớp.

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự a và e trong từ và câu.
Ngôn ngữ:	<i>that – Who's that?</i> <i>yes – Yes, it is.</i>
Hoạt động:	Nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động.• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (CD – Track 44).• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học.• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Khởi động:** Gọi một vài HS đọc lại bài viết của mình ở phần 6 trang 33.
- **Ghi chú:** Tham khảo thêm hoạt động mở rộng 3 trong phiếu làm bài tập (worksheet) ở cuối unit này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong Lesson 3.
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền.• Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (CD – Track 45).• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Đáp án:** 1 that 2 yes
- **Lời bài nghe:** 1. Is that your friend? 2. Yes, it is.

3. Let's chant.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại cách hỏi và trả lời về bạn qua dạng bài <i>chant</i> : <i>Who's that?</i>
Hoạt động:	Đọc bài <i>chant</i> và diễn tả bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài <i>chant</i>.• Cho HS đọc nội dung bài <i>chant</i>.• Cho HS nghe qua bài <i>chant</i> một hoặc hai lần (CD – Track 46).• Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài <i>chant</i> kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài <i>chant</i> theo hai nhóm: hỏi và trả lời.• Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập <i>chant</i> theo vai hỏi và trả lời.• Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài <i>chant</i> và thể hiện nội dung qua động tác.

4. Read and match.

Mục tiêu:	Ôn lại từ và mẫu câu đã học qua dạng ghép câu hỏi và câu trả lời.
Hoạt động:	Đọc hiểu và ghép câu hỏi với câu trả lời.

- Trình tự:**
- Khởi động.
 - Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách.

- **Đáp án:** 1c 2d 3b 4a
- **Khởi động:** Hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* ở phần 3.

5. Circle the correct words.

- Mục tiêu:** Ôn lại từ đã học liên quan đến chủ điểm qua dạng lựa chọn từ cho sẵn trong câu.
- Hoạt động:** Đọc và khoanh tròn từ được chọn
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi một vài HS đọc các câu đã hoàn thành.

- Đáp án:** 1 friend 2 they 3 Peter and Mary 4 Yes 5 aren't

6. Project

- Mục tiêu:** Giúp cho HS sử dụng tiếng Anh tương tác với nhau trong lúc thực hiện nhiệm vụ cũng như trong lúc trình bày lại.
- Nội dung:** Viết lời giới thiệu bên dưới ảnh
- Hoạt động:** HS làm thủ công dán ảnh của bạn lên giấy và viết lời giới thiệu
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích của hoạt động.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án.
 - Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp.

Ghi chú: Hướng dẫn cho các em sử dụng các câu nói tiếng Anh để trình bày lại kết quả đã thu được:

HS nói: *Hello, My name's...* sau đó chỉ vào từng ảnh dán trên trang giấy và nói: *This is... . He's/ She's my friend. And this is... He's/ She's my friend, too. They're my friends. Thanks for your listening.*

Worksheet (Unit 5)

Name:

Class: Date:

1 Complete and say aloud.

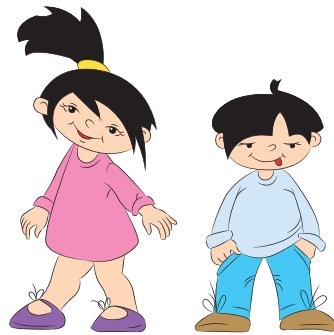
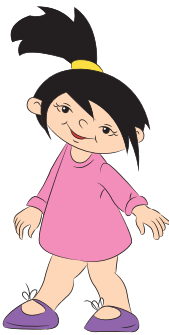
Example

He's my friend.



1. _____ my friend.

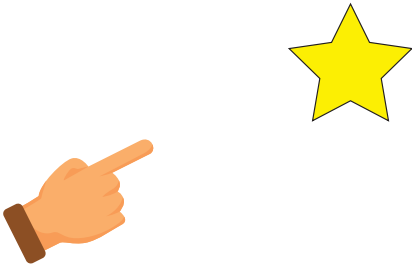
2. _____ my friends.



2 Colour them.



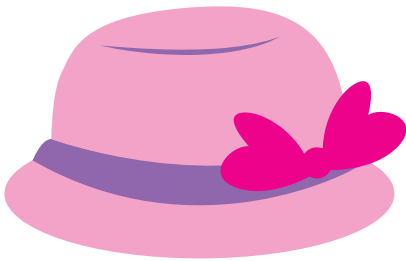
3 Complete, point and say.



that



c_t



h_t



yes



p_ts



p_n

REVIEW 1

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

Học sinh có thể :

- nghe và nhận biết các thông tin cụ thể chủ đề *Me and my friends*.
- đọc và nhận biết các thông tin cụ thể liên quan đến chủ đề *Me and my friends*.
- đọc và nhận biết ý chính của bài đọc.
- đọc, nghe và hiểu một truyện tranh ngắn.

1. Listen and tick.

Mục tiêu: Ôn lại kĩ năng nghe hiểu

Hoạt động: Nghe hiểu 5 đoạn hội thoại ngắn và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓ (CD – Track 47)

• **Đáp án:** 1b 2a 3a 4b 5b

• **Lời bài nghe:**

1 *Nam:* Hi, I'm Nam. 2 *Mai:* What's your name?
Linda: Hello, Nam. I'm Linda. *Peter:* My name's Peter.
Nam: Nice to meet you, Linda. *Mai:* How old are you?
Linda: Nice to meet you too. *Peter:* I'm seven.

3 *Mai:* Who's that?
Nam: It's my friend, Peter. 4 *Mary:* Who's that?
Mai: How old is he? *Nam:* It's my friend, Tony.
Nam: He is seven years old.

5 *Nam:* Mai, this is my friend, Linda.
Mai: Nice to meet you. I'm Mai.
Linda: Nice to meet you too.

2. Listen and number.

Mục tiêu: Ôn lại kĩ năng nghe hiểu

Hoạt động: Nghe hiểu 4 đoạn hội thoại ngắn và đánh số thứ tự tranh (CD – Track 48).

• **Đáp án:** a4 b2 c1 d3

• **Lời bài nghe:**

1. *Phong:* How old are you, Peter?
Peter: I'm seven years old. 2. *Nam:* What's your name?
Mary: My name's Mary.
Nam: How do you spell Mary?
Mary: That's M-A-R-Y.

3. *Mai:* Who's that?
Nam: It's my friend, Linda. 4. *Tony:* Hello, Mai, how are you?
Mai: Hi, Tony. I'm fine, thank you. And you?
Tony: I'm fine, thanks.

3. Read and complete

Mục tiêu: Ôn lại kỹ năng đọc hiểu
Hoạt động: Đọc hiểu một đoạn văn và điền từ cho sẵn vào khoảng trống.

Đáp án: 1 Hello 2 Nam 3 friends 4 nine

4. Read and match.

Mục tiêu: Ôn lại kỹ năng đọc hiểu: ghép câu của người nói thứ nhất với câu đáp lại của người nói thứ hai.
Hoạt động: Đọc và ghép hai câu thành một hoạt động giao tiếp bằng lời nói.

Đáp án: 1e 2d 3b 4a 5c

5. Look and say.

Mục tiêu: Ôn lại kỹ năng đọc và nói
Hoạt động: Xem tranh tình huống, nói câu hoàn chỉnh theo từ/ câu gợi ý

Đáp án:

a	Hello Hello, Mary	b	How are you And you Fine, thanks	c	How old are you I'm	d	they your they are
---	----------------------	---	--	---	------------------------	---	-----------------------

SHORT STORY

1. Read and listen to the story.

Mục tiêu: Củng cố kỹ năng đọc
Hoạt động: Đọc truyện tranh và thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo.
Trình tự: HS xem tranh, đọc truyện, nghe đĩa CD và làm bài tập (CD – Track 49).

• Khởi động:

- Giới thiệu truyện tranh và giới thiệu các nhân vật chính trong truyện tranh. Chỉ vào các nhân vật trong tranh và gợi ý để HS nói tên các con vật.
- Sau đây hướng dẫn cho HS vừa nghe đĩa CD vừa theo dõi lời trong tranh.

• Lời thoại:

(Knock! Knock!)

Chit: Hello, I'm Chit the Mouse. How are you?

Miu: I'm fine, thank you.

Chit: What's your name?

Miu: I'm Miu the Cat.

Chit: Nice to meet you, Miu.

Miu: How do you spell "Chit"?

Chit: C-H-I-T. How do you spell "Miu"?

Miu: M-I-U.

Chit: Nice!

Miu: Who's that?

Chit: This is my sister Mimi.

Chit: Mimi, this is Miu.
Mimi: Pleased to meet you, Miu.
Miu: Pleased to meet you too, Mimi.

Chit: Who's that?
Miu: Maurice and Doris.
Chit: Are they your friends?
Miu: Yes, they are.

2. Complete the conversation.

Mục tiêu: Kết hợp nghe, đọc và viết
Hoạt động: Đọc và hoàn thành đoạn hội thoại giữa Mèo Miu và Chuột Chit (CD – Track 50).

- **Đáp án:** 1 I'm 2 are you 3 very well 4 your 5 I'm 6 meet you 7 do you spell
- **Lời thoại:**

Chit: Hello, I'm Chit the Mouse. How are you?
Miu: I'm very well, thank you.
Chit: What's your name?
Miu: I'm Miu the Cat.
Chit: Nice to meet you, Miu.
Miu: How do you spell "Chit"?
Chit: C-H-I-T.

3. Work in pairs. Have a similar conversation with a partner. Use your names.

Mục tiêu: Kết hợp đọc, viết và tương tác nghe – nói.
Hoạt động: HS đóng vai nói theo mẫu nhưng dùng tên riêng của mình.

4. Match the questions with the answers.

Mục tiêu: Ôn lại kỹ năng đọc hiểu
Hoạt động: HS đọc và ghép các câu hỏi với câu trả lời

Đáp án: 1c 2a 3d 4b

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- Học sinh có thể ra lệnh và làm theo lệnh.
- Học sinh có thể xin phép và cho phép.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- Stand up!
- May I sit down? – Yes, you can./ No, you can't.

Từ vựng: stand up, sit down, come here, open, close, may, go out, come in

Luyện âm: come, down

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD, giấy, thước kẻ và kéo để cắt giấy thành từng mảnh nhỏ, viết, xếp lại và cho vào hộp.

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp <i>ra lệnh trong lớp</i>
Hoạt động	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS. • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (<i>CD – Track 51</i>).

- **Khởi động:** Ôn lại *Unit 5* bằng cách cho cả lớp đọc lại bài *chant Who's that?* ở trang 34.
- **Giới thiệu bài học:** Chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS. Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's that? What does he say?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
Chú ý cách phát âm của các phụ âm cuối từ *morning*, *sit down*, *quiet*, *boys*.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu có chức năng <i>ra lệnh và làm theo lệnh</i> .
Ngôn ngữ:	<i>stand up, come here, don't talk, open your book, close your book</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói theo mẫu câu và từ gợi ý.

Trình tự:

- Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.
- Làm mẫu cho HS nhắc lại và làm theo lệnh hai lần các mẫu câu trong phần này (CD – Track 51):
Mr Loc: *Stand up!*
- Rèn luyện theo kỹ thuật thay thế từng câu theo thứ tự: lời giới thiệu rồi đến lời đáp lại. Sau đó mới tổng hợp thành một hoạt động giao tiếp. Dùng con rối/ hình/thẻ từ/ bàn tay để gợi ý cho HS nói theo vai (chia lớp làm hai để đóng vai người ra lệnh và người làm theo lệnh – theo các nhân vật trong sách).
- Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.
- Kiểm tra lại.

Ghi chú:

- Chú ý cách phát âm các từ *here* /hɪə(r)/, *close* /kləʊz/ và cách nối từ khi đọc *stand up*.
- Giải thích thêm *Don't talk = Be quiet*.
- Lưu ý HS ngữ điệu xuống ở cuối các câu lệnh.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và mở rộng kiến thức và kỹ năng đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Nghe – và thực hành các lệnh đã học trong phần 2.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích của hoạt động. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp. • Kiểm tra lại.

- **Khởi động:** Cho HS chơi trò *Charades*: xem cử chỉ và điệu bộ của người biểu diễn để đoán ra lệnh gì. Sau đó cho HS đóng vai trong các tình huống ở phần 1 (nói không nhìn vào sách).
- **Ghi chú:**
Giải thích cho HS từ *please* thường được thêm vào cuối câu mang ý nghĩa lịch sự hơn.

4. Listen and tick.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu mục đích bài luyện nghe. • Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các hoạt động trong từng tranh để các em có thể phân biệt được nội dung tranh thể hiện mệnh lệnh nào để có thể quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu. • Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (CD – Track 52). • Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần thiết.

- **Khởi động:** Ôn lại bài cũ bằng cách cho cả lớp thực hành các lệnh đã học.
- **Đáp án:** 1a 2c 3c

- **Lời bài nghe:**
 1. **Mr Loc:** Good morning, boys and girls.
Class: Good morning, Mr Loc.
Mr Loc: Sit down, please!
 2. **Miss Hien:** Be quiet, boys!
Boy: Sorry, Miss Hien.
 3. **Class:** Goodbye, Mr Loc.
Mr Loc: Goodbye, class. Linda, come here, please!

5. Look and write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh tình huống, đọc và điền từ vào chỗ trống.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành. • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp. • Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh theo vai.

Đáp án: 1 Open 2 quiet 3 Close 4 Sit 5 Come 6 Stand

6. Let's play.

Mục tiêu:	Mở rộng từ vựng liên quan đến chủ điểm qua dạng trò chơi <i>Simon says...</i>
Hoạt động:	Nghệ lệnh và thể hiện bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích và hướng dẫn cách chơi. - Cho cả lớp làm mẫu trước khi chia nhóm cho HS thực hành. - Gọi vài nhóm lên diễn lại trò chơi trước cả lớp.

Ghi chú:

Trò chơi *Simon says...* kết hợp ngôn ngữ và sự vận động toàn thân để đáp lại một khẩu lệnh nào đó (TPR= *Total Physical Response*) giúp hình thành phản xạ nhanh và việc ghi nhớ được sâu đậm hơn. Có thể dạy thêm cho HS một số câu thường dùng trong trò chơi như *touch your hair/ ears/ eyes/ mouth/* v.v.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp: <i>xin phép</i> và <i>cho phép hoặc không cho phép</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động. • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (CD – Track 53). • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học. • Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Khởi động:** Cho HS thực hiện lại các lệnh đã học trong *Lesson 1*.
- **Ghi chú:** Câu trả lời thường dùng trong giao tiếp cho *May I come in?* là *Yes, you can./ No, you can't* không lặp lại động từ như đối với các trợ động từ khác.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện cách nói <i>xin phép</i> và <i>cho phép hoặc không cho phép</i> . <i>May I ...? – Yes, you can./ No, you can't.</i>
Ngôn ngữ:	<i>come in, go out, speak, write</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần (CD – Track 54): Girl: <i>May I come in?</i> Teacher: <i>Yes, you can.</i> Girl: <i>May I go out?</i> Teacher: <i>No, you can't.</i>• Luyện riêng theo thứ tự: câu hỏi xin phép trước câu nói cho phép. Và sau đây luyện hỏi xin phép và cho phép.• Dùng khẩu lệnh hoặc tranh để gợi ý cho HS thực hành.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

Ghi chú: Lưu ý HS ngữ điệu lên ở cuối các câu hỏi xin phép với *May I ...?*

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Xin phép và cho phép.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

Khởi động:

- Cho HS chơi trò *Charades* để ôn lại các hành động trước khi thực hành xin phép và cho phép.
- Có thể mở rộng hoạt động bằng cách dạy thêm một câu nói thường dùng trong lớp như: *May I borrow your book/ pencil/ pen?* v.v. và lời cảm ơn khi được cho phép.

4. Listen and number.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.• Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các nhân vật trong từng tranh để các em có thể phân biệt được các nhân vật nào nói chuyện với nhau và nội dung mệnh lệnh là gì để có thể đi đến quyết định đánh số thứ tự vào đúng tranh.• Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa đánh số thứ tự vào tranh (CD – Track 55).• Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần.

- **Khởi động:** Ôn lại bài cũ bằng cách cho HS đóng vai diễn lại hai tình huống giao tiếp trong phần 1, *Look, listen and repeat* (nói không nhìn vào sách).
- **Đáp án:** a4 b1 c2 d3
- **Lời bài nghe:**

<p>1. <i>Mai:</i> May I come in? <i>Miss Hien:</i> Yes, you can.</p> <p>3. <i>Mai:</i> May I sit down? <i>Miss Hien:</i> No, you can't.</p>	<p>2. <i>Mai:</i> May I open the book? <i>Miss Hien:</i> Yes, you can.</p> <p>4. <i>Mai:</i> May I write now? <i>Miss Hien:</i> Yes, you can.</p>
---	---

5. Read and match.

Mục tiêu:	Đọc hiểu
Hoạt động:	Đọc hiểu các đoạn hội thoại và ghép đúng tranh
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ. • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp. • Gọi 4 cặp HS đọc lại các đoạn hội thoại.

- **Đáp án:** 1c 2d 3a 4b
- **Ghi chú:** Có thể mở rộng hoạt động bằng cách cho HS đóng vai nói mà không nhìn vào sách và bổ sung thêm một số từ vựng thường dùng trong lớp như: *copy it down, borrow..., open the door/window*, v.v.

6. Let's write.

Mục tiêu:	Kết hợp đọc hiểu và viết
Hoạt động:	Xem tranh, đọc hiểu tình huống trong tranh và điền vào chỗ trống
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành. • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp. • Gọi 4 cặp HS đọc các đoạn hội thoại đã hoàn thành.

Đáp án: 1 come in 2 sit down 3 close my book 4 open my book

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự <i>c</i> và <i>d</i> trong từ và câu.
Ngôn ngữ:	<i>come – May I come in?</i> <i>down – May I sit down?</i>
Hoạt động:	Nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động. • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (CD – Track 56). • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học. • Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

• **Khởi động:**

Dùng tranh hoặc khẩu lệnh gợi ý cho 2 nhóm trong lớp thực hiện lại hoạt động hỏi xin phép và cho phép hoặc không cho phép. GV dùng cử chỉ để ra hiệu: gật đầu để cho phép và lắc đầu để không cho phép.

- **Ghi chú:** Tham khảo thêm hoạt động mở rộng 3 trong phiếu làm bài tập (*worksheet*) ở cuối unit này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong <i>Lesson 3</i> .
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền.• Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (<i>CD – Track 57</i>).• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Đáp án:** 1 come 2 down

- **Lời bài nghe:**
 1. May I come in?
 2. Sit down, please.

3. Let's sing.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại hỏi và trả lời về bạn qua dạng bài hát: <i>Come in and sit down</i> .
Hoạt động:	Hát và diễn tả bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài hát.• Cho HS đọc nội dung bài hát.• Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (<i>CD – Track 58</i>).• Hướng dẫn và giúp HS hát từng lời bài hát kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp thành hai nhóm: hỏi xin phép (HS) và cho phép (GV).• Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập hát theo vai.• Gọi vài nhóm nhỏ hát lại và thể hiện nội dung qua động tác.

4. Read and match.

Mục tiêu:	Ôn lại từ và mẫu câu đã học qua dạng ghép các từ đi với nhau thành câu.
Hoạt động:	Đọc hiểu và ghép từ thành câu.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động.• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Cho HS đọc các từ cho sẵn.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành.• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách.

- **Đáp án:** 1c 2e 3b 4d 5a
- **Khởi động:** Hướng dẫn cho HS hát lại bài hát ở phần 3.

5. Look, listen and write.

Mục tiêu:	Ôn lại các mệnh lệnh và câu xin phép và cho phép hoặc không cho phép đã học.
Hoạt động:	Xem tranh, đọc và điền từ vào chỗ trống.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Cho HS xem tranh và đọc các câu cho sẵn. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành. • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp. • Gọi một vài HS đọc các câu hoặc đoạn hội thoại đã hoàn thành.

Đáp án: 1 Sit 2 talk 3 go out, you can 4 stand up, you can't

6. Project

Mục tiêu:	Giúp cho HS viết lại các câu lệnh đã học, đọc và thực hiện lệnh.
Nội dung:	Viết và đọc hiểu các câu lệnh. Thực hiện các câu này.
Hoạt động:	HS viết các câu lệnh vào các mảnh giấy nhỏ, xếp lại bỏ vào hộp. Sau đó rút ra và thực hiện các lệnh này.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích của hoạt động. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án. • Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp.

Ghi chú: Hướng dẫn cho các em sử dụng các câu nói tiếng Anh trong khi tương tác với nhau.

Ví dụ: A: (tên HS đang tham gia hoạt động), *open your book*.






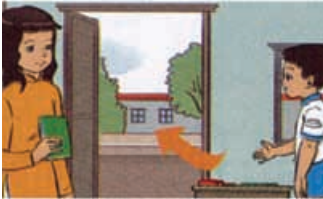
B: *Yes/ OK/ All right/ Sure*, (tên HS đang tham gia hoạt động).

Worksheet (Unit 6)

Name:

Class: Date:

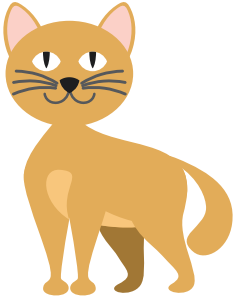
1 Number the pictures. Then read the sentences aloud.

1 stand up	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2 sit down		
3 go out	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4 open the book		
5 close the book	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6 come in		

2 Colour the books.



3 Complete, point and say.



cat



__up



__ake



down



__onkey



__on't

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC:

- Học sinh có thể nói về các tiện nghi trong trường học.
- Học sinh có thể hỏi và trả lời về các đặc tính của tiện nghi trong trường học.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu

- That's the + tiện nghi trong trường học.
- Is the + tiện nghi trong trường học + tính từ? - Yes, it is. No, it isn't. It's + tính từ.

Từ vựng: school, library, classroom, computer room, playground, gym, big, small, old, new, large

Luyện âm: gym, look

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD, giấy, thước kẻ và kéo để cắt giấy thành từng mảnh nhỏ, bút viết.

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp <i>giới thiệu tên các tiện nghi (phòng) trong trường học</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS. • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 59).

- **Khởi động:** Ôn lại *Unit 6* bằng cách cho cả lớp hát lại bài hát *Come in and sit down* ở trang 44.
- **Giới thiệu bài học:** Chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS. Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's that? Is that her school/ classroom? Is it big/ small?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
 - Chú ý cách nối âm của các từ *is it, it isn't* và cách đọc các phụ âm cuối từ *that's, it's*.
 - Chú ý cách phát âm của từ *gym /dʒɪm/*.
 - Lưu ý HS dùng *this* để chỉ người, vật ở gần; *that* để chỉ vật/ người ở xa.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu có chức năng <i>giới thiệu tiện nghi trong trường học</i> .
Ngôn ngữ:	<i>That's the ... gym, library, computer room, playground</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, chỉ vào tranh hay cảnh thật và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần các mẫu câu trong phần này (CD – Track 59): Girl: <i>That's the gym.</i>• Rèn luyện theo kỹ thuật thay thế.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

Ghi chú:

- Nên có một bài tập luyện phát âm của các từ và cụm từ: *the /ðə/, gym /dʒɪm/, that's /ðæts/* trước khi đưa HS vào rèn luyện mẫu câu.
- Nhắc lại cách dùng dạng rút gọn *that's = that is* trong khi nói (Xem lại cách dùng dạng rút gọn ở những unit trước.)
- Lưu ý HS ngữ điệu xuống cuối các câu *That's my...*

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và mở rộng kiến thức và kỹ năng đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Chỉ và nói.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.• Cho HS đóng vai các tình huống giao tiếp trong phần 1 (nói không nhìn vào sách), dùng tranh hoặc lời nói để gợi ý.

Khởi động: Có thể mở rộng và dạy thêm tên một số tiện nghi có thật trong sân trường như: *bench* (băng dài), *swing* (đau), *rider* (vật để cưỡi như ngựa/ voi/ lạc đà gỗ hay ô tô/ xe đạp), *see-saw* (bập bênh), *slide* (cầu tuột), v.v.

4. Listen and tick.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.• Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các chi tiết về tiện nghi trong trường học ở từng tranh để các em có thể quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu.• Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (<i>CD – Track 60</i>).• Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần thiết.

- **Khởi động:** Ôn lại tên các phòng trong trường bằng cách cho cả lớp xem tranh và nói tên hoặc cho HS chơi trò *Slap the board* hay *I can see...*, dùng tên phòng hoặc tranh.
- **Đáp án:** 1b 2c 3a
- **Lời bài nghe:**

1. Linda: That's the computer room. Nam: Is it big? Linda: Yes, it is.	2. Linda: That's the gym. Nam: Is it big? Linda: No, it isn't. It's small.
3. Linda: And that's the classroom. Nam: Is it big? Linda: Yes, it is.	

5. Look, read and write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp
Hoạt động:	Xem tranh, đọc và điền từ vào chỗ trống.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi một vài HS đọc lại câu hoàn chỉnh

- **Đáp án:** 1 classroom 2 library 3 computer room 4 gym
- **Ghi chú:** Có thể mở rộng hoạt động và ôn lại ngữ liệu cũ bằng cách cho chơi trò *Charades* xem động tác để đoán từ. Ví dụ GV làm động tác đánh máy vi tính. HS đoán là *computer room*. GV làm động tác đọc sách. HS đoán là *library*, v.v.

6. Let's sing.

Mục tiêu:	Mở rộng từ vựng theo chủ điểm bài học qua dạng bài hát: <i>This is the way we go to school</i> .
Hoạt động:	Hát và biểu diễn bằng động tác.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích và nội dung bài hát.• Cho HS quan sát tranh và đọc lời bài hát.• Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (CD – Track 61).• Hướng dẫn và giúp HS chia nhóm học hát từng lời trong bài hát: nhóm 1 hát các câu với <i>This is the way</i> ... Nhóm 2 hát lời tiếp theo.• Gọi vài nhóm nhỏ hát lại cho cả lớp cùng nghe.

Ghi chú:

Giải thích cho HS các từ mới để HS hiểu được nội dung bài hát.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp, hỏi và trả lời về các tính chất của tiện nghi trong trường học.
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu bài học• Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS.• Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 62).

- **Khởi động:** Cho HS hát lại bài *This is the way we go to school* ở trang 47. Sau đó dùng tranh gợi ý cho HS nói tên các tiện nghi trong trường học (phòng) đã học.
- **Ghi chú:** *big* (lớn – chỉ khối lượng), *large* (rộng – chỉ mặt bằng, diện tích)

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện câu hỏi và trả lời về đặc tính (dùng tính từ) của các tiện nghi trong trường học.
Ngôn ngữ:	<i>Is the... + tính từ? – Yes, it is. No, it isn't. It's + tính từ.</i> <i>new, big, small, old, large</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).

Trình tự:

- Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.
- Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần (*CD – Track 63*):
Girl: *Is the school new?*
Nam: *Yes, it is.*
Girl: *Is the library old?*
Quan: *No, it isn't. It's new.*
- Luyện riêng theo thứ tự: từng câu hỏi trước, sau đó tới câu trả lời trước khi ghép lại thành bài luyện câu hỏi – trả lời.
- Dùng khẩu lệnh hoặc tranh để gợi ý cho HS thực hành.
- Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.
- Kiểm tra lại.

Ghi chú: Lưu ý HS ngữ điệu lên cuối các câu hỏi: *Is the... + tính từ?* và ngữ điệu xuống cuối các câu trả lời *Yes, it is/ No, it isn't.*

3. Let's talk.

Mục tiêu:

Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.

Hoạt động:

Nghe – nói (đóng vai)

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích của hoạt động
- Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.
- Kiểm tra lại.

Ghi chú:

Phần này có thể mở rộng đề hỏi và trả lời về thực tế các tiện nghi có trong trường.

4. Listen and number.

Mục tiêu:

Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu

Hoạt động:

Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe.

Trình tự:

- Khởi động
- Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.
- Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các chi tiết trong từng tranh để các em có thể phân biệt được tên tiện nghi được đề cập đến nhằm quyết định đánh số thứ tự đúng vào tranh.
- Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa đánh số thứ tự (*CD – Track 64*).
- Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần.

- **Khởi động:** Ôn lại tên các tiện nghi và các tính từ bằng cách cho HS xem tranh và mô tả nội dung trong tranh. Sử dụng lại tranh ở phần 2, Lesson 2.
- **Đáp án:** a3 b1 c4 d2
- **Lời bài nghe:**

1. Tom: Is your school new? Linda: No, it isn't. It's old.	2. Tom: Is the library big? Linda: Yes, it is.
3. Tom: Is your classroom big? Linda: No, it isn't. It's small.	4. Tom: Is the school gym large? Linda: Yes, it is.

5. Read and circle.

Mục tiêu:	Đọc hiểu
Hoạt động:	Đọc lướt (<i>scan</i>) đoạn văn và khoanh tròn đúng từ mô tả đặc tính của tiện nghi trong câu cho sẵn.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ. • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp. • Gọi 4 HS đọc lại đáp án (mỗi HS đọc 1 câu).

- **Đáp án:** 1 big 2 small 3 new 4 big
- **Ghi chú:** Có thể mở rộng hoạt động bằng cách cho cả lớp nhắc lại đồng thanh nguyên đoạn văn ở phần này.

6. Write about your school.

Mục tiêu:	Giúp HS có thể dùng ngôn ngữ đã học để ứng dụng vào thực tế bằng cách mô tả các tiện nghi trong trường học của mình.
Hoạt động:	Đọc hiểu các câu gợi ý và viết về các đặc tính thực tế của trường nơi HS đang theo học.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành. • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp. • Gọi 4 HS đọc lại bài viết của mình.

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự g và l trong từ và câu.
Ngôn ngữ:	<i>gym – The gym is old.</i> <i>look – Look at the school.</i>
Hoạt động:	Nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động.• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (CD – Track 65).• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học.• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Khởi động:**

Gọi một vài HS đọc lại bài viết của mình ở phần **6**, trang 49.

- **Ghi chú:** Tham khảo thêm hoạt động mở rộng **3** trong phiếu làm bài tập (*worksheet*) ở cuối unit này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong <i>Lesson 3</i> .
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền.• Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (CD – Track 66).• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Đáp án:** 1 gym 2 look

- **Lời bài nghe:** 1. The school gym is large. 2. Look at the library.

3. Let's chant.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại câu hỏi và trả lời về đặc tính của các tiện nghi trong trường học qua dạng bài <i>chant</i> .
Hoạt động:	Đọc bài <i>chant</i> và diễn tả bằng động tác

- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài *chant*.
 - Cho HS đọc nội dung bài *chant*.
 - Cho HS nghe qua bài *chant* một hoặc hai lần (*CD – Track 67*).
 - Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài *chant* kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài *chant* theo hai nhóm: hỏi và trả lời.
 - Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập đọc *chant* theo các vai hỏi và trả lời.
 - Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài *chant* và thể hiện nội dung qua động tác.

4. Read and match.

- Mục tiêu:** Ôn lại từ và mẫu câu đã học qua dạng ghép câu hỏi với câu trả lời.
- Hoạt động:** Đọc hiểu và ghép câu hỏi và câu trả lời.
- Trình tự:**
- Khởi động.
 - Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách.

- **Đáp án:** 1d 2c 3a 4b
- **Khởi động:** Hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* ở phần 3.

5. Read and complete.

- Mục tiêu:** Đọc hiểu
- Hoạt động:** Đọc lướt một đoạn văn và điền từ cho sẵn vào chỗ trống trong đoạn văn.
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS xem tranh và đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi một vài HS đọc lại đáp án.

- **Đáp án:** 1 playground 2 It 3 gym 4 classroom 5 nice
- **Ghi chú:** Có thể mở rộng phần này bằng cách gọi một vài HS đọc lại đoạn văn.

6. Project

- Mục tiêu:** Giúp cho HS tương tác với cả lớp dùng ngôn ngữ đã học
- Nội dung:** Viết tên các tiện nghi vào giấy, gắn vào tranh và giới thiệu với cả lớp.
- Hoạt động:** HS viết và giới thiệu tranh tiện nghi trong trường.
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích của hoạt động.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án.
 - Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp.

Ghi chú: Hướng dẫn cho các em sử dụng các câu nói tiếng Anh trong khi tương tác với nhau.

Ví dụ: *Hello, my name's Look, this is the... It's That's the ... It's ... This is the end of my presentation. Thanks for your listening.*

Worksheet (Unit 7)

Name:

Class: Date:

1 Draw lines to match. Then read aloud.

computer room

library

playground

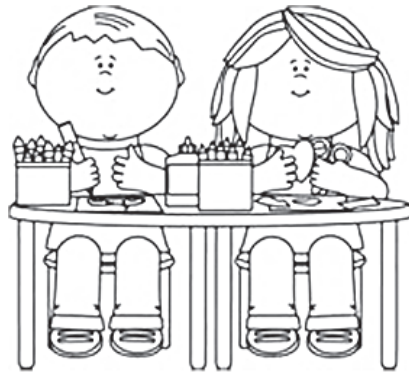


classroom

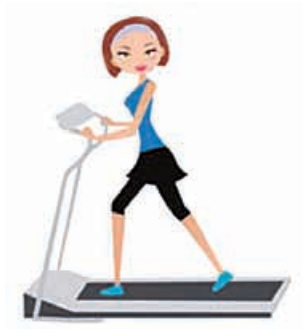
gym

staffroom

2 Colour the picture.



3 Complete, point and say.



gym



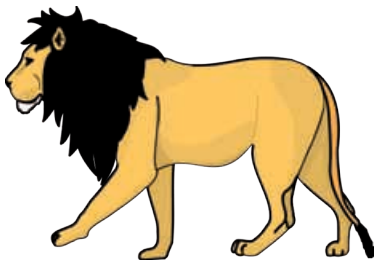
__eorge



__ermany



look



__ion



__ock

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- Học sinh có thể nhận ra các học cụ.
- Học sinh có thể hỏi và trả lời về các học cụ.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- This/ That is + tên học cụ.
- These/ Those are + tên học cụ.

Từ vựng: rubber, pencil case, school bag, notebook, pencil, ruler, these, those

Luyện âm: ruler, these

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD, giấy, thước kẻ và kéo, giấy để vẽ, viết, bút chì màu.

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp giữa Linda và rô bốt: giới thiệu tên học cụ ở dạng số ít.
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS. • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 68).

- **Khởi động:** Ôn lại Unit 7 bằng cách cho cả lớp đọc lại bài *chant Is your school new?* ở trang 50.
- **Giới thiệu bài học:** Chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS. Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's that? What is it?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
 - Dạy thêm từ *robot*
 - Câu hỏi *Is it?* trong bài này là dạng câu rút gọn của câu *Is it your pen/ rubber? hàm ý ngạc nhiên. Người hỏi muốn người đang đối thoại khẳng định lại điều vừa nói. Chú ý ngữ điệu lên ở cuối câu hỏi.*

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu <i>giới thiệu tên các học cụ</i> (số ít)
Ngôn ngữ:	<i>This is my ...</i> <i>That's my ...</i> <i>pencil, pencil case, school bag, notebook, pencil sharpener</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần các mẫu câu trong phần này (CD – Track 68): Girl: <i>This is my pencil.</i> Boy: <i>That's my notebook.</i>• Rèn luyện theo kỹ thuật thay thế theo thứ tự câu <i>This is my...</i> rồi đến câu <i>That's my...</i>• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

Ghi chú:

- Lưu ý danh từ thứ nhất trong danh từ ghép thường nhận trọng âm của cả cụm: *'school things, 'pencil case, 'school bag, 'pencil sharpener*. Nên có một bài tập giúp HS luyện đọc các danh từ ghép trước khi rèn luyện mẫu câu.
- HS thường có thói quen bỏ đọc phụ âm cuối từ *bag, notebook*
- Chú cách phát âm các từ *pencil /'pensl/sharpener /'ʃɑ:pne(r)/*
- So sánh *this is* và *that's* và nhắc lại cách dùng hai cụm từ này.
- Lưu ý HS ngữ điệu xuống cuối các câu *This is my...* và *That's my...*

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và mở rộng kiến thức và kỹ năng đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Chỉ vào các đồ vật ở xa hoặc gần để nói <i>This is...</i> và <i>That's ...</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.• Cho HS đóng vai các tình huống giao tiếp trong phần 1 (nói không nhìn vào sách), dùng tranh hoặc lời nói để gợi ý.

Ghi chú: Có thể mở rộng phần này bằng cách dạy thêm một số tên học cụ thường dùng trong lớp qua trò chơi *I can see....* Trong trò chơi này GV hoặc một HS mô tả một vật/người nào đó qua vị trí/ hình dáng/ tính chất/ màu sắc/v.v. để những người khác đoán xem đó là ai hay vật gì. Ví dụ GV cho HS xem tranh trong *Lesson 1* của bài này và nói: *I can see*

something in Linda's hand. She writes with it. Mọi người sẽ đoán là *It's a pen!* Hoặc: *I can see a machine. It can talk.* Mọi người sẽ đoán là *It's a robot!*

4. Listen and tick.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.• Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các học cụ ở từng tranh để các em có thể quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu.• Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (<i>CD – Track 69</i>).• Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần thiết.

- **Khởi động:** Ôn lại tên các phòng trong trường bằng cách cho cả lớp xem tranh và nói tên hoặc cho HS chơi trò *Slap the board* hay *I can see...*, dùng tên phòng hoặc tranh.
- **Đáp án:** **1b 2c 3a**
- **Lời bài nghe:**

1. <i>Mai:</i> This is my pencil.	2. <i>Tony:</i> That's my school bag.
<i>Tony:</i> Is it?	<i>Mai:</i> Is it?
<i>Mai:</i> Yes, it is.	<i>Tony:</i> Yes, it is.
3. <i>Mai:</i> This is my book.	
<i>Tony:</i> Is it?	
<i>Mai:</i> Yes, it is.	

5. Look, read and write.

Mục tiêu:	Đọc và viết kết hợp.
Hoạt động:	Xem tranh, đọc và điền từ vào chỗ trống.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi 2 HS đọc lại câu hoàn chỉnh.

Đáp án: **1 ruler, is 2 rubber, It is**

6. Let's play.

Mục tiêu:	Ôn lại từ vựng liên quan đến chủ điểm qua dạng trò chơi <i>Slap the board</i> .
Hoạt động:	Nghe xướng tên học cụ và chạm vào đúng tranh trên bảng.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giải thích và hướng dẫn cách chơi.• Cho hai HS làm mẫu trước khi chia nhóm cho HS thực hành.• Gọi hai nhóm lên diễn lại trò chơi trước cả lớp.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp <i>giới thiệu tên học cụ ở dạng số nhiều</i> .
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu bài học• Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS.• Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (<i>CD – Track 70</i>).

- **Khởi động:** Cho HS viết chính tả lại tên các học cụ đã học ở *Lesson 1* hoặc chơi trò *Bingo* dùng các danh từ mà HS đã học.
- **Giới thiệu bài học:** Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's that? What are they?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.

- **Ghi chú:**

Câu hỏi *Are they?* trong bài là dạng câu rút gọn của câu *Are they your books/pencils?* hàm ý ngạc nhiên. Người hỏi muốn người đang đối thoại khẳng định lại điều vừa nói.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu <i>giới thiệu tên các học cụ (số nhiều)</i>
Ngôn ngữ:	<i>These/ Those are my... notebooks, pens, pencil cases, rubbers</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).

- Trình tự:**
- Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.
 - Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần các mẫu câu trong phần này (CD – Track 71):
Peter: *These are my notebooks.*
Boy: *Those are my pencil cases.*
 - Rèn luyện theo kĩ thuật thay thế.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.
 - Kiểm tra lại.

Ghi chú:

- Nên có một bài tập chuyển từ dạng danh từ số ít sang danh từ số nhiều trước khi cho HS rèn luyện mẫu câu.
- Lưu ý trường hợp số nhiều của danh từ ghép: thêm ‘s’ vào danh từ thứ hai.

<i>school bag</i>	<i>school bags</i>
<i>pencil case</i>	<i>pencil cases</i>
<i>pencil sharpener</i>	<i>pencil sharpeners</i>
<i>school thing</i>	<i>school things</i>

- Hướng dẫn HS cách đọc âm ‘s’ ở dạng số nhiều.
/s/: *notebooks, maps, bags, pens, pencils, sharpeners, rulers;* */ɪz/* *cases, boxes*
- Nhắc lại cách dùng *these* và *those* là hình thức số nhiều của *this* và *that*.
- Gợi ý cho HS quan sát dạng số ít và số nhiều của chủ ngữ, động từ và danh từ trong từng câu:
This is my pen. → These are my pens.
That's my pen. → Those are my pens.
- Lưu ý HS ngữ điệu xuống cuối các câu *These/ Those are my...*

3. Let's talk.

- Mục tiêu:** Ôn và củng cố lại một số kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
- Hoạt động:** Chỉ vào các đồ vật để nói *These/ Those are ...*
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích của hoạt động
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.
 - Kiểm tra lại.

- **Khởi động:** Cho HS chơi trò *Slap the board, Bingo* hay *Plemanism*, dùng tranh hoặc các danh từ số ít và danh từ số nhiều để ôn lại tên các học cụ trước khi thực hành theo như trong sách.

• **Ghi chú:**

Phần này có thể mở rộng nhằm ôn lại các dạng số ít và số nhiều: *This is .../That's...These are my.../Those are my ...* dùng các danh từ vừa học cùng với các danh từ HS đã biết.

4. Listen and number.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.• Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào chi tiết trong từng tranh để các em có thể phân biệt được tên các học cụ nhằm quyết định đánh số thứ tự đúng vào tranh.• Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa đánh số thứ tự (CD – Track 72).• Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần.

• **Khởi động:** Ôn lại tên các tiện nghi và các tính từ bằng cách cho HS xem tranh và mô tả nội dung trong tranh. Sử dụng lại tranh ở phần 2, Lesson 2.

• **Đáp án:** a3 b4 c2 d1

• **Lời bài nghe:**

1. Nam: Hello, Mr Robot. These are my rulers. Robot: Are they? Nam: Yes, they are.	2. Linda: Hi, Mr Robot. Those are my notebooks. Robot: Are they? Linda: Yes, they are.
3. Peter: Hello, Mr Robot. These are my pens. Robot: Are they? Peter: Yes, they are.	4. Mai: Hi, Mr Robot. Those are my pencil cases. Robot: Are they? Mai: Yes, they are.

5. Read and write.

Mục tiêu:	Đọc hiểu
Hoạt động:	Đọc lướt (<i>scan</i>) đoạn văn và điền thông tin vào chỗ trống trong câu cho sẵn.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ.• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi 5 HS đọc lại đáp án (mỗi HS đọc 1 câu).

• **Đáp án:** 1 name 2 small, nice 3 school bag
4 books, notebooks 5 pencil cases, pens

- **Ghi chú:** GV có thể mở rộng hoạt động đọc hiểu bằng một trò chơi: xoá vài câu trong nhiều chỗ của đoạn văn và cho HS tái tạo lại (không nhìn vào sách) qua dạng nói hoặc viết.

6. Let's write.

Mục tiêu:	Giúp HS có thể dùng ngôn ngữ đã học để viết câu hoàn chỉnh.
Hoạt động:	Xem tranh, đọc hiểu và hoàn thành câu.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành. • Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp. • Gọi 4 HS đọc lại bài viết của mình.

Đáp án: 1 are, pens, books 2 are, pencils, rulers

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự <i>r</i> và <i>th</i> trong từ và câu.
Ngôn ngữ:	<i>ruler – Those are rulers.</i> <i>these – These are pens.</i>
Hoạt động:	Nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động. • Giới thiệu mục đích bài luyện. • Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (<i>CD – Track 73</i>). • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học. • Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Khởi động:**

Cho HS chơi trò chơi *Bingo* hoặc *I can see ...* hay *Slap the board* để ôn lại các từ ở dạng số ít và số nhiều.

- **Ghi chú:** Tham khảo thêm hoạt động mở rộng **3** trong phiếu làm bài tập ở cuối *unit* này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong <i>Lesson 3</i> .
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền.• Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (<i>CD – Track 74</i>).• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Đáp án:** 1 rulers 2 these
- **Lời bài nghe:** 1. These are my rulers. 2. Are these your books?

3. Let's chant.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại mẫu câu và từ số nhiều ở dạng bài <i>chant: Look! Look! Look!</i>
Hoạt động:	Đọc bài <i>chant</i> và diễn tả bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài <i>chant</i>.• Cho HS đọc nội dung bài <i>chant</i>.• Cho HS nghe qua bài <i>chant</i> một hoặc hai lần (<i>CD – Track 75</i>).• Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài <i>chant</i> kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài <i>chant</i> theo hai nhóm: một nhóm đọc <i>Look! Look! Look!</i> nhóm còn lại đọc hai câu tiếp theo. Hai nhóm đổi vai sau mỗi đoạn.• Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập đọc <i>chant</i> theo cách thức đã tập chung cả lớp.• Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài <i>chant</i> và thể hiện nội dung qua động tác.

Ghi chú: Có thể dạy thêm một số tên học cụ có sẵn trong lớp dựa theo vần điệu của bài *chant*.

4. Read and match.

Mục tiêu:	Ôn lại từ và mẫu câu đã học qua dạng ghép từ thành câu.
Hoạt động:	Đọc hiểu và ghép thành câu.

- Trình tự:**
- Khởi động.
 - Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách.

- **Đáp án:** 1b 2d 3a 4c
- **Khởi động:** Hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* ở phần 3.

5. Read and write.

- Mục tiêu:** Đọc và viết kết hợp.
- Hoạt động:** Xem tranh điền từ vào chỗ trống.
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS xem tranh và đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cho cả lớp.
 - Gọi 5 HS đọc lại đáp án (mỗi HS một câu).

Đáp án: 1 name 2 This is 3 These are, pens, notebooks 4 That is 5 those are

6. Project

- Mục tiêu:** Giúp cho HS tương tác với cả lớp dùng ngôn ngữ đã học.
- Nội dung:** Vẽ một số học cụ và giới thiệu
- Hoạt động:** HS vẽ, viết tên học cụ và giới thiệu sản phẩm với cả lớp.
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích của hoạt động.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án.
 - Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp.

Ghi chú: Hướng dẫn cho các em sử dụng các câu nói tiếng Anh trong khi tương tác với nhau.

Ví dụ: *Hello, my name's Look, this is the...; It's + tính từ; That's the ...; It's + tính từ; These are the ...; They're + tính từ; Those are the ...; They're + tính từ. This is the end of my drawings. Thanks for your listening.*

Worksheet (Unit 8)

Name:

Class: Date:

1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (×) in the box.

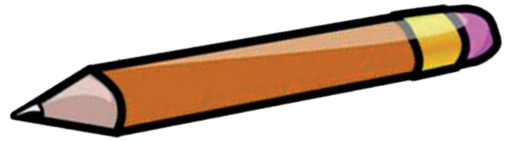
There are two examples.

Examples

This is a ruler.



This is a notebook.



1 This is a pencil case.



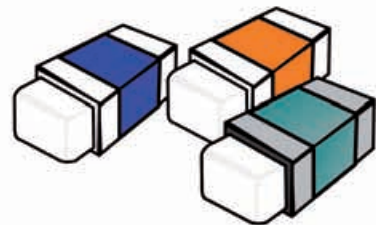
2 This is a school bag.



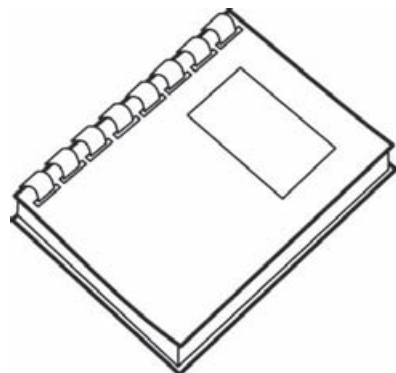
3 These are pencil sharpeners.



4 These are rubbers.



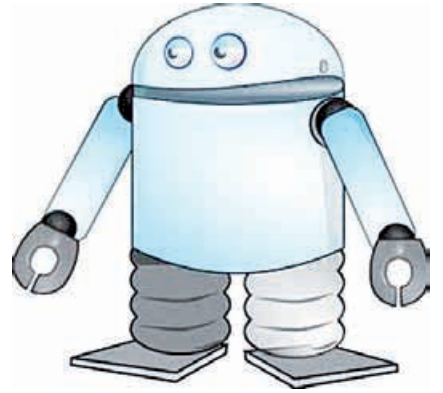
2 Colour the notebooks.



3 Complete, point and say.



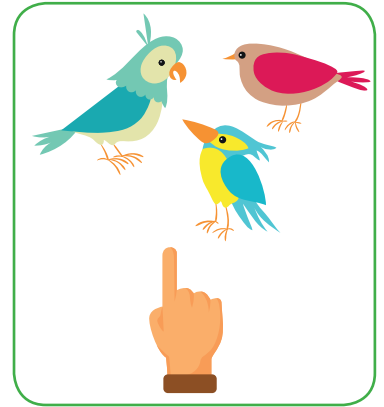
ruler



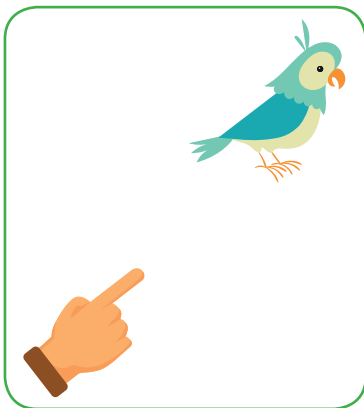
_obot



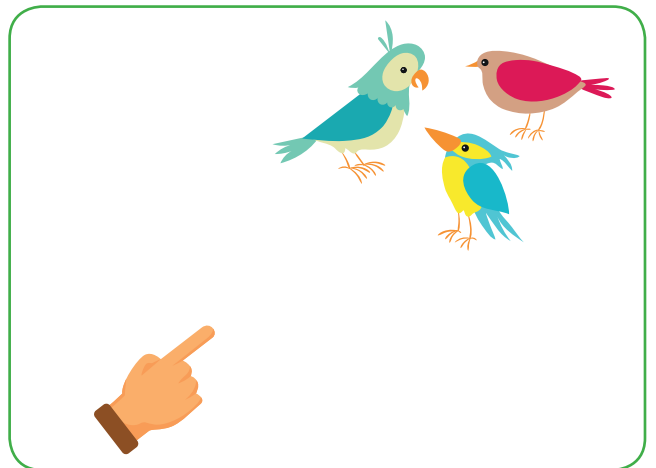
_ing



these



_at



_ose

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- Học sinh có thể hỏi và trả lời về các học cụ.
- Học sinh có thể hỏi và trả lời về màu sắc của các học cụ.

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- Is this/ that + tên học cụ?
- What colour is it? – It's + tên màu.
- What colour are they? – They're + tên màu.

Từ vựng: blue, book case, black, yellow, brown, green, orange

Luyện âm: it, orange

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD, giấy, thước kẻ và kéo, giấy để vẽ, viết, bút chì màu.

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu: Giới thiệu hai tình huống giao tiếp *hỏi và trả lời về học cụ*

Hoạt động: Đọc, nghe và nhắc lại

- Trình tự:**
- Khởi động
 - Giới thiệu bài học
 - Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS.
 - Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 76).

- **Khởi động:** Ôn lại *Unit 8* bằng cách cho cả lớp đọc lại bài *chant: Look! Look! Look!* ở trang 56.
- **Giới thiệu bài học:** Chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS. Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's that? What is he/she doing?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
here /hɪə(r)/

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu <i>hỏi</i> và <i>trả lời về học cụ</i>
Ngôn ngữ:	Ôn lại: <i>pencil case, pencil sharpener</i> ; từ mới: <i>desk, pen</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần các mẫu câu trong phần này (CD – Track 76): Nam: <i>Is this your desk?</i> Quan: <i>Yes, it is.</i> Nam: <i>Is that your pencil case?</i> Mai: <i>No, it isn't.</i>• Rèn luyện theo kỹ thuật thay thế theo thứ tự từng câu hỏi <i>Is this your...?</i> rồi đến câu <i>Is that your...?</i> sau đó đến từng câu trả lời với <i>Yes, it is/No, it isn't</i> trước khi kết hợp câu hỏi – câu trả lời.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.

Ghi chú:

- Lưu ý HS ngữ điệu lên của câu hỏi và ngữ điệu xuống của câu trả lời.
- Chú ý cách nối từ trong câu trả lời: *Yes, it is./ No, it isn't.*
- Nhắc lại cách dùng *this/that* để chỉ vật/người ở gần hoặc xa.
- Nhắc lại: danh từ thứ nhất trong danh từ ghép thường nhận trọng âm của cả cụm: *'school things, 'pencil case, 'school bag, 'pencil sharpener.*
- HS thường có thói quen không đọc rõ phụ âm cuối từ *desk, pen.*

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và mở rộng kiến thức và kỹ năng đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Chỉ vào đồ vật gần và xa để hỏi và trả lời các câu hỏi <i>Is this.../ Is that...?</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.• Cho HS đóng vai các tình huống giao tiếp trong phần 1 (nói không nhìn vào sách), dùng tranh hoặc lời nói để gợi ý.

Ghi chú: Có thể mở rộng phần này bằng cách dạy thêm một số tên học cụ thường dùng trong lớp qua trò chơi *I can see....* (Xem lại phần này trong *Unit 8*)

4. Listen and tick.

- Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
- Hoạt động:** Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓.
- Trình tự:**
- Khởi động
 - Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.
 - Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các học cụ ở từng tranh để các em có thể quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu.
 - Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (CD – Track 77).
 - Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần thiết.

- **Khởi động:** Ôn lại tên các học cụ bằng cách chỉ vào từng tranh hỏi *What is this?* để cả lớp trả lời chung.
- **Đáp án:** 1b 2a 3b
- **Lời bài nghe:**

1. *Mai:* Is this your pencil case?

Nam: Yes, it is.

2. *Mai:* Is that your notebook?

Nam: Yes, it is.

3. *Mai:* Is this your pen?

Nam: Yes, it is.

5. Look, read and write.

- Mục tiêu:** Đọc và viết kết hợp
- Hoạt động:** Xem tranh, đọc và điền từ vào chỗ trống trong đoạn hội thoại.
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi 4 cặp HS đọc lại các đoạn hội thoại hoàn chỉnh.

Đáp án: 1 pen, it is 2 pencil case, it isn't 3 school bag, it is 4 book, it is

6. Let's write.

- Mục tiêu:** Đọc và viết kết hợp
- Hoạt động:** Xem tranh, đọc và điền từ vào chỗ trống.
- Trình tự:**
- Giải thích và hướng dẫn cách thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi 2 cặp HS đọc lại các câu đã hoàn thành.

Đáp án: 1 school bag 2 school bag; it is 3 pencil case 4 pencil case; it isn't

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp <i>hỏi và trả lời về màu sắc của các học cụ.</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu bài học• Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS.• Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 78).

- **Khởi động:** Cho HS chơi *Slap the board, Bingo* hoặc *I can see...* để ôn lại tên các học cụ đã học ở dạng số ít và số nhiều. Sau đó hướng dẫn cho HS làm câu với các từ này.
- **Giới thiệu bài học:** Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *Who's that? What is it? What are they? What colour is it? What colour are they?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**

Colour là chữ viết theo người Anh; *color* là chữ viết theo người Mỹ.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện <i>hỏi và trả lời về màu sắc của các học cụ</i> (dạng số ít và số nhiều)
Ngôn ngữ:	<i>What colour is...? What colour are ...?</i> <i>blue, white, yellow, brown, green, orange</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần (CD – Track 79): Mai: <i>What colour is your pen?</i> Nam: <i>It's blue.</i> Mai: <i>What colour are your school bags?</i> Nam: <i>They're brown.</i>• Dùng khẩu lệnh, tranh hoặc đồ vật thực để gợi ý cho HS thực hành.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

Ghi chú: Dùng bảng màu dạy tên các màu trước *orange* /'ɒrɪndʒ/. Lưu ý cách đọc các cụm âm *blue, black, brown, green, orange* vì trong hệ thống âm tiếng Việt không có các âm này và HS thường có khuynh hướng đọc tách rời từng âm.

– Sau đó dùng dạng rèn luyện thay thế cho HS tập nói câu hỏi trước rồi mới đến câu trả lời.

– Hướng sự chú ý của HS vào 2 loại câu hỏi:

What colour is + danh từ số ít? – *It's* + tên màu.

What colour are + danh từ số nhiều? – *They're* + tên màu.

- Từ *colour* không thay đổi trong cả 2 loại câu hỏi. Động từ *is* hoặc *are* trong câu hỏi được dùng theo danh từ đi liền sau ở dạng số ít hay số nhiều.

- Tên màu (*black, white, brown, v.v.*) trong cả hai câu trả lời không thay đổi.

– Lưu ý HS ngữ điệu xuống cuối các câu hỏi với *What colour is...? What colour are...?* và các câu trả lời: *It's + màu/ They're + màu.*

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Hỏi và trả lời về màu sắc với <i>What colour is/ are...?</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

Ghi chú:

– Xem lại phần hướng dẫn này trong *Lesson 1*.

– Phần này có thể mở rộng dùng các danh từ vừa học cùng với các danh từ HS đã biết qua phần mở rộng trong các phiếu làm bài tập (*worksheet*) ở các unit trước.

4. Listen and number.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.• Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào chi tiết trong từng tranh để các em có thể phân biệt được tên các học cụ nhằm quyết định đánh số thứ tự đúng vào tranh.• Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa đánh số thứ tự (<i>CD – Track 80</i>)• Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần.

• **Khởi động:** Ôn lại ngữ liệu cũ bằng cách chỉ vào từng tranh để hỏi cả lớp trả lời tên và màu sắc của học cụ trong từng tranh.

• **Đáp án:** a3 b2 c4 d1

• **Lời bài nghe:**

- | | |
|--|--|
| 1. <i>Nam:</i> What colour are your pencil sharpeners?
<i>Mai:</i> They're green. | 2. <i>Mai:</i> What colour is your pencil?
<i>Nam:</i> It's blue. |
| 3. <i>Mai:</i> What colour is your school bag?
<i>Nam:</i> It's black. | 4. <i>Nam:</i> What colour are your pens?
<i>Mai:</i> They're orange. |

5. Read and match.

Mục tiêu:	Đọc hiểu
Hoạt động:	Đọc lướt từng câu và ghép với tranh đúng.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ.• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi 5 HS: mỗi HS đọc lại một câu và nói đáp án.

• **Đáp án:** 1b 2d 3a 4e 5c

• **Ghi chú:** Hướng dẫn HS trong khi đọc dùng bút chì gạch chân tên học cụ và màu để có thể nhận dạng hình một cách nhanh chóng.

6. Let's sing.

Mục tiêu:	Mở rộng từ vựng qua dạng bài hát <i>My new pen</i> .
Hoạt động:	Hát và diễn tả bằng động tác
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài hát.• Cho HS đọc nội dung bài hát.• Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (<i>CD –Track 81</i>).• Hướng dẫn và giúp HS hát từng lời bài hát kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp thành hai nhóm: Một nhóm hát theo lời GV và một nhóm hát theo lời của HS. Sau một lượt thì đổi vai.• Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập hát theo vai.• Gọi vài nhóm nhỏ hát lại và thể hiện nội dung qua động tác.

Ghi chú: Giải thích các từ *sir* và *Miss/ Ma'am* (danh xưng trang trọng (formal) mà HS dùng để gọi thầy giáo và cô giáo ở các nước nói tiếng Anh).

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu:	Phát âm đúng các mẫu tự i và o trong từ và câu.
Ngôn ngữ:	<i>it – What colour is it?</i> <i>orange – It's orange.</i>
Hoạt động:	Nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động.• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (CD –Track 82).• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học.• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

• Khởi động:

Ôn lại các từ chỉ màu sắc bằng một bài chính tả ngắn hoặc cho HS chơi trò *Spelling bee* (đánh vần tên các màu để HS viết từ)

- **Ghi chú:** Tham khảo thêm hoạt động mở rộng 3 trong phiếu làm bài tập ở cuối *unit* này.

2. Listen and write.

Mục tiêu:	Củng cố lại phần 1 trong <i>Lesson 3</i> .
Hoạt động:	Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích bài luyện.• Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền.• Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (CD – Track 83).• Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.• Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Đáp án:** 1 it 2 orange

- **Lời bài nghe:** 1. It is my school bag. 2. My favourite colour is orange.

3. Let's chant.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại mẫu câu và từ số nhiều ở dạng bài <i>chant: What colour is it?</i>
Hoạt động:	Đọc bài <i>chant</i> và diễn tả bằng động tác

- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài *chant*.
 - Cho HS đọc nội dung bài *chant*.
 - Cho HS nghe qua bài *chant* một hoặc hai lần (*CD – Track 84*).
 - Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài *chant* kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài *chant* theo hai nhóm: một nhóm đọc câu hỏi nhóm còn lại đọc câu trả lời. Hai nhóm đổi vai sau khi hết một lượt.
 - Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập đọc *chant* theo cách thức đã tập chung cả lớp.
 - Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài *chant* và thể hiện nội dung qua động tác.

Ghi chú: Có thể dạy thêm một số màu sắc nếu cần dựa theo văn điệu của bài *chant*.

4. Read and match.

- Mục tiêu:** Ôn lại từ và mẫu câu đã học qua dạng ghép câu.
- Hoạt động:** Đọc hiểu và ghép câu hỏi và câu trả lời.
- Trình tự:**
- Khởi động.
 - Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi một vài HS đọc theo vai của nhân vật trong sách.

- **Đáp án:** 1c 2d 3a 4b
- **Khởi động:** Hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* ở phần 3.

5. Read and complete.

- Mục tiêu:** Đọc và viết kết hợp
- Hoạt động:** Đọc lướt một đoạn văn và điền từ cho sẵn vào chỗ trống
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS xem tranh và đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi 5 HS đọc lại đáp án (mỗi HS một câu).

- Đáp án:** 1 green 2 desk 3 They 4 pens 5 colour

6. Project

Mục tiêu:	Giúp cho HS tương tác với cả lớp dùng ngôn ngữ đã học
Nội dung:	Tô màu cầu vồng
Hoạt động:	HS tô màu cầu vồng và giới thiệu tác phẩm với cả lớp.
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu mục đích của hoạt động. • Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện dự án. • Tổ chức cho HS trình bày trong nhóm trước khi trình bày trước lớp.

Ghi chú:

Cầu vồng gồm có 7 màu từ màu đỏ cho đến màu tím theo thứ tự như sau:

đỏ (*red*), cam (*orange*), vàng (*yellow*), xanh lá cây (*green*), xanh da trời (*blue*), chàm (*indigo*), tím (*violet*). Các chữ viết tắt từ chữ cái đầu từ của tên các màu sau đây giúp cho dễ nhớ thứ tự của màu một cầu vồng: ROY G BIV

Worksheet (Unit 9)

Name:

Class: Date:

1 Look at the pictures. Look at the letters. Write the word and say it aloud.

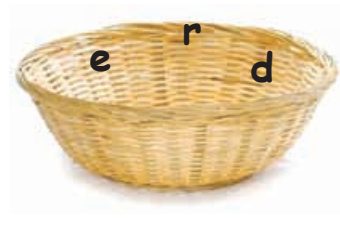
Example



i n d i g o











3 Complete, point and say.

it



he



she

it



__gloo



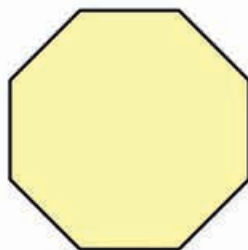
__nk



orange



__ctopus



__ctagon

What do you do at break time?

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

- Học sinh có thể hỏi và trả lời về các hoạt động trong giờ ra chơi.
- Học sinh có thể hỏi và trả lời về sở thích của cá nhân

NGÔN NGỮ

Mẫu câu:

- What do you do at break time? – I play + trò chơi/ môn thể thao.
- Do you like + trò chơi/ môn thể thao – Yes, I do/ No, I don't.

Từ vựng: break time, badminton, football, chess, basketball, table tennis, play, like, skating, hide-and-peek, skipping, blind man's bluff

Luyện âm: blind, skating

GIÁO CỤ sách giáo khoa, thẻ từ, tranh con, đĩa CD

LESSON 1

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp <i>hỏi và trả lời về các hoạt động trong giờ ra chơi.</i>
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none"> • Khởi động • Giới thiệu bài học • Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS. • Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 85).

- **Khởi động:** Ôn lại *Unit 9* bằng cách cho cả lớp đọc lại bài *chant: What colour is it?* ở trang 62.
- **Giới thiệu bài học:** Chỉ vào tựa bài, đọc to và kiểm tra mức độ hiểu của HS. Cho HS xem tranh và đặt câu hỏi gợi ý cho các em trả lời về các tình huống giao tiếp như *What do you do at break time? Who's that? What does she/ he do at break time?* Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại các lời thoại trong tranh hai lần.
- **Ghi chú:**
 - Lưu ý cách phát âm các cụm âm đầu từ như break và play cách đọc âm cuối từ football
 - Chú ý cách nói nổi cụm từ what about.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện các mẫu câu hỏi và trả lời về các hoạt động trong giờ ra chơi.
Ngôn ngữ:	<i>What do you do at break time? – I play ... football, basketball, chess, table tennis</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần các mẫu câu trong phần này (CD – Track 85): Mai: <i>What do you do at break time?</i> Nam: <i>I play football.</i>• Rèn luyện theo kỹ thuật thay thế câu trả lời <i>I play ...</i> trước khi kết hợp câu hỏi – câu trả lời.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.

Ghi chú:

– Nhắc lại trọng âm trong các từ/ cụm từ: 'badminton, 'hide-and-seek, 'basketball, 'table tennis.

– HS thường có thói quen không đọc rõ âm cuối từ *ball*

– Lưu ý HS ngữ điệu xuống ở cuối câu hỏi và câu trả lời: *What do you do at break time?*
- *I play...*

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và mở rộng kiến thức và kỹ năng đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Hỏi và trả lời về các hoạt động ở giờ chơi <i>What do you do at break time?</i>
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu mục đích của hoạt động• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.• Cho HS đóng vai các tình huống giao tiếp trong phần 1 (nói không nhìn vào sách), dùng tranh hoặc lời nói để gợi ý.

• **Khởi động:** Cho HS đóng vai lại các nhân vật trong phần 1 *Look, listen and repeat.*

• **Ghi chú:** Có thể mở rộng từ vựng để dạy thêm tên các hoạt động phổ biến diễn ra trong giờ chơi tại địa phương nếu cần.

4. Listen and tick.

Mục tiêu:	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
Hoạt động:	Nghe hiểu và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓.

- Trình tự:**
- Khởi động
 - Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.
 - Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào các hoạt động ở từng tranh để các em có thể quyết định chọn đúng tranh để đánh dấu.
 - Cho HS nghe hai lần: Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa chọn tranh để đánh dấu (*CD – Track 86*).
 - Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần thiết.

- **Khởi động:** Cho HS viết chính tả tên một vài hoạt động trong giờ chơi có liên quan đến bài nghe như: *badminton, basketball, table tennis*. Và sau đây cho các em đặt câu với các từ này.

- **Đáp án:** 1b 2b 3a

- **Lời bài nghe:**

- | | |
|---|--|
| 1. <i>Tony:</i> What do you do at break time? | 2. <i>Linda:</i> What do you do at break time? |
| <i>Mai:</i> I play badminton. | <i>Tom:</i> I play basketball. |
| 3. <i>Mai:</i> What do you do at break time? | |
| <i>Nam:</i> I play table tennis. | |

5. Read and write.

- Mục tiêu:** Đọc và viết kết hợp.
- Hoạt động:** Xem tranh, đọc đoạn văn và điền từ vào chỗ trống.
- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi 4 cặp HS đọc lại các đoạn hội thoại hoàn chỉnh.

- Đáp án:** 1 chess 2 table tennis 3 badminton

6. Write about you.

- Mục tiêu:** Viết
- Hoạt động:** Viết về các hoạt động của cá nhân trong giờ ra chơi.
- Trình tự:**
- Giải thích, gợi ý và hướng dẫn cách thực hành.
 - Tổ chức cho HS đọc lại bài viết theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi 3 HS đọc lại bài viết của mình.

LESSON 2

1. Look, listen and repeat.

Mục tiêu:	Giới thiệu hai tình huống giao tiếp <i>hỏi và trả lời về sở thích của cá nhân</i> .
Hoạt động:	Đọc, nghe và nhắc lại
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Khởi động• Giới thiệu bài học• Kiểm tra lại mức độ hiểu của HS.• Cho HS nhìn vào sách, nghe và nhắc lại (CD – Track 87).

Khởi động: Cho HS chơi *Charades* để ôn lại tên các hoạt động đã học ở *Lesson 1*. Sau đó hướng dẫn cho HS làm câu với các từ này.

2. Point and say.

Mục tiêu:	Rèn luyện <i>hỏi và trả lời về sở thích cá nhân</i>
Ngôn ngữ:	<i>Do you like...? – Yes, I do./ No, I don't.</i> <i>skipping, skating, hide-and-seek, blind man's bluff</i>
Hoạt động:	Nghe nhắc lại, nghe và nói (theo mẫu câu và từ gợi ý).
Trình tự:	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu chức năng giao tiếp của các mẫu câu rèn luyện.• Làm mẫu cho HS nhắc lại hai lần (CD – Track 88): Nam: <i>Do you like skipping?</i> Girl: <i>Yes, I do.</i> Nam: <i>Do you like hide-and-seek?</i> Mai: <i>No, I don't.</i>• Dùng khẩu lệnh, tranh hoặc đồ vật thực để gợi ý cho HS thực hành.• Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.• Kiểm tra lại.

Ghi chú:

– Lưu ý HS cách nói cụm âm /ɪŋ/ cuối các từ *skipping* và *skating*; phụ âm /t/ cuối từ *don't* và cách nối từ *hide and seek*.

– Lưu ý HS ngữ điệu lên ở cuối câu hỏi: *Do you like...?* và ngữ điệu xuống cuối các câu trả lời *Yes, I do/ No, I don't*.

3. Let's talk.

Mục tiêu:	Ôn và củng cố lại một số kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đã học trong các hoạt động 1 và 2 vừa qua.
Hoạt động:	Hỏi – trả lời dùng <i>Do you like...?</i>

- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích của hoạt động
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành theo cặp.
 - Kiểm tra lại.

- **Khởi động:** Ôn lại tên các hoạt động trong giờ chơi qua trò chơi *Bingo* hoặc *Tic-Tac-Toe* (xem lại cách chơi *Tic-Tac-Toe* trong *Activities Bank*, trang 16, SGK)

- **Ghi chú:**

Có thể mở rộng dạy thêm tên một số hoạt động phổ biến mà HS hay chơi tại địa phương.

4. Listen and number.

- Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu
- Hoạt động:** Nghe hiểu và đánh số vào tranh theo thứ tự đã nghe.
- Trình tự:**
- Khởi động
 - Giới thiệu mục đích bài luyện nghe.
 - Cho HS xem tranh và hướng sự chú ý của HS vào chi tiết trong từng tranh để các em có thể phân biệt các hoạt động trong giờ ra chơi để có thể quyết định đánh số thứ tự đúng vào tranh.
 - Cho HS nghe hai lần – Lần 1: HS vừa nghe vừa nhìn tranh để có thể liên kết nội dung tranh và nội dung nghe; lần 2 vừa nghe vừa đánh số thứ tự (*CD – Track 89*)
 - Kiểm tra chung cả lớp, cho nghe lại và giải thích nếu cần.

- **Khởi động:** Ôn lại ngữ liệu cũ bằng cách cho HS chơi trò *Charades*.

- **Đáp án:** a4 b2 c1 d3

- **Lời bài nghe:**

- | | |
|---|--|
| 1. <i>Nam:</i> What do you do at break time?
<i>Linda:</i> I play badminton.
<i>Nam:</i> Do you like it?
<i>Linda:</i> Yes, I do. | 2. <i>Tony:</i> What do you do at break time?
<i>Phong:</i> I play blind man's bluff.
<i>Tony:</i> Do you like it?
<i>Phong:</i> Yes, I do. |
| 3. <i>Tom:</i> Do you like hide-and-peek?
<i>Nam:</i> Yes, I do.
<i>Tom:</i> Do you play it at break time?
<i>Nam:</i> Sure, I do. | 4. <i>Linda:</i> Do you like table tennis?
<i>Mai:</i> No, I don't. I like skipping.
<i>Linda:</i> Do you skip at break time?
<i>Mai:</i> Sure, I do. |

5. Read and write.

Mục tiêu: Đọc hiểu

Hoạt động: Đọc lướt một đoạn văn và trả lời câu hỏi.

- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi 5 HS: mỗi HS đọc lại một câu và nói đáp án.

- **Đáp án:** 1 table tennis 2 like chess 3 They like badminton
- **Ghi chú:** Hướng dẫn HS trong khi đọc câu hỏi dùng bút chì gạch chân các từ *What* và tên các nhân vật có liên quan cần tìm thông tin trong đoạn văn để trả lời. Đây là một trong những chiến thuật đọc giúp HS định hướng thông tin và giải quyết vấn đề nhanh.

6. Let's sing.

Mục tiêu: Mở rộng từ vựng qua dạng bài hát *Hide-and-seek*.

Hoạt động: Hát và biểu diễn bằng động tác

- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài hát.
 - Cho HS đọc nội dung bài hát.
 - Cho HS nghe qua bài hát một hoặc hai lần (*CD – Track 90*).
 - Hướng dẫn và giúp HS hát từng lời bài hát kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp thành hai nhóm: Một nhóm hát câu hỏi, một nhóm hát các câu còn lại.
 - Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập hát theo vai.
 - Gọi vài nhóm nhỏ hát lại và thể hiện nội dung qua động tác.

LESSON 3

1. Listen and repeat.

Mục tiêu: Phát âm đúng các cụm mẫu tự *bl* và *sk* trong từ và câu.

Ngôn ngữ: *blind – Do you like blind man's bluff?*
skating – I like skating.

Hoạt động: Đọc, nghe và nhắc lại

Trình tự:

- Khởi động.
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
- Làm mẫu cho HS nhắc lại các mẫu tự, từ và câu cho sẵn (CD – Track 91).
- Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành đọc lại nội dung vừa học.
- Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

• **Khởi động:**

Cho HS hát lại bài *Hide-and-seek* và chơi trò *Bingo* để ôn lại tên các hoạt động phổ biến trong giờ ra chơi. Có thể dạy thêm một số từ nếu cần thiết.

- **Ghi chú:** Tham khảo thêm hoạt động mở rộng **2** trong phiếu làm bài tập ở cuối *Unit* này.

2. Listen and write.

Mục tiêu: Củng cố lại phần **1** trong *Lesson 3*.

Hoạt động: Nghe chính tả và điền từ vào chỗ trống trong câu.

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích bài luyện.
- Cho HS đọc các câu cho sẵn và đoán trước từ cần điền.
- Đọc cả câu cho HS nghe và viết từ còn thiếu vào chỗ trống (CD – Track 92).
- Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
- Gọi một vài HS đọc lại theo nội dung trong sách.

- **Đáp án:** **1** blind man's bluff **2** skating

- **Lời bài nghe:**
1. I don't like chess. I like blind man's bluff.
2. They like skating.

3. Let's chant.

Mục tiêu: Ôn và củng cố lại mẫu câu và từ số nhiều ở dạng bài *chant*: *What do you do at break time?*

Hoạt động: Đọc bài *chant* và diễn tả bằng động tác

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích bài *chant*.
- Cho HS đọc nội dung bài *chant*.
- Cho HS nghe qua bài *chant* một hoặc hai lần (*CD – Track 93*).
- Hướng dẫn và giúp HS đọc từng lời bài *chant* kết hợp với việc thể hiện bằng động tác. Chia lớp đọc lại bài *chant* theo hai nhóm: một nhóm đọc câu hỏi nhóm còn lại đọc câu trả lời. Hai nhóm đổi vai sau khi hết một lượt.
- Tổ chức cho các nhóm nhỏ tập đọc *chant* theo cách thức đã tập chung cả lớp.
- Gọi vài nhóm nhỏ đọc lại bài *chant* và thể hiện nội dung qua động tác.

Ghi chú: Có thể dựa theo vần điệu của bài *chant* để cho HS tiếp tục *chant* bằng cách thay tên một số hoạt động khác.

4. Read and match.

Mục tiêu: Ôn lại từ và mẫu câu đã học qua dạng ghép câu.

Hoạt động: Đọc hiểu và ghép câu hỏi và câu trả lời.

- Trình tự:**
- Khởi động.
 - Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS đọc các câu cho sẵn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS cách thức thực hành.
 - Tổ chức cho HS tự kiểm tra theo cặp trước khi kiểm tra chung cả lớp.
 - Gọi 4 cặp HS đọc lại câu hỏi và câu trả lời đã ghép.

- **Đáp án:** 1b 2c 3a 4d
- **Khởi động:** Hướng dẫn cho HS đọc lại bài *chant* ở phần 3.

5. Write about you.

Mục tiêu: Đọc và viết kết hợp

Hoạt động: Dựa và khung hướng dẫn cho sẵn để viết về hoạt động cá nhân trong giờ chơi.

- Trình tự:**
- Giới thiệu mục đích bài luyện.
 - Cho HS xem tranh và đọc các câu trong khung hướng dẫn.
 - Hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hành.
 - Tổ chức cho HS đọc bài viết của nhau theo cặp.

6. Project.

Mục tiêu:

HS ôn lại tên các hoạt động trong giờ ra chơi qua trò chơi *Bingo*.

Nội dung:

Nghe và đọc tên các hoạt động trong giờ ra chơi.

Hoạt động:

HS tham gia trò chơi *Bingo*.

Trình tự:

- Giới thiệu mục đích của hoạt động.
- Hướng dẫn và tổ chức cho HS chơi trò *Bingo*.

Worksheet (Unit 10)

Name:

Class: Date:

1 Look at the pictures. Look at the letters. Write the word and say it aloud.

Example



c h e s s











2 Complete, point and say.



blind



___ack

He _____ to school.

___ank



skating



___ipping



___eleton

REVIEW 2

MỤC TIÊU CỦA ĐƠN VỊ BÀI HỌC

Học sinh có thể:

- nghe và nhận biết các thông tin cụ thể chủ đề *Me and my friends*.
- đọc và nhận biết các thông tin cụ thể liên quan đến chủ đề *Me and my friends*
- đọc và nhận biết ý chính của bài đọc.
- đọc, nghe và hiểu một truyện tranh ngắn.

1. Listen and tick.

Mục tiêu: Ôn lại kỹ năng nghe hiểu

Hoạt động: Nghe hiểu 5 đoạn hội thoại ngắn và chọn đúng tranh để đánh dấu ✓ (CD – Track 94).

Đáp án: 1a 2b 3a 4b 5b

Lời bài nghe:

1. *Class:* Good morning, Miss Hien. 2. *Linda:* Is your school big? 3. *Mai:* What colour is your book?
Miss Hien: Sit down, please. *Nam:* Yes, it is. *Tony:* It's green.
4. *Mai:* What colour are your pencils, Nam? 5. *Linda:* What do you do at break time?
Nam: They are red. *Nam:* I play football.
Linda: Great!

2. Listen and number.

Mục tiêu: Ôn lại kỹ năng nghe hiểu

Hoạt động: Nghe hiểu 4 đoạn hội thoại ngắn và đánh số thứ tự tranh (CD – Track 95).

Đáp án: a3 b4 c1 d2

Lời bài nghe:

1. *Nam:* May I come in?
Miss Hien: Yes, you can.
2. *Tom:* Is that the classroom?
Mai: No, it isn't. It's the computer room.
3. *Tom:* Is that your pencil case?
Mai: What colour is it?
Tom: It's pink.
Mai: Yes. It's my pencil case.
4. *Mary:* What do you do at break time?
Mai: I play hide-and-seek.

3. Read and complete.

Mục tiêu: Ôn lại kĩ năng đọc hiểu

Hoạt động: Đọc hiểu một đoạn văn và điền từ cho sẵn vào khoảng trống.

Đáp án: 1 school 2 playground 3 room 4 Quan

4. Read and match.

Mục tiêu: Ôn lại kĩ năng đọc hiểu: ghép câu của người nói thứ nhất với câu đáp lại của người nói thứ hai.

Hoạt động: Đọc và ghép hai câu thành một hoạt động giao tiếp bằng lời nói.

Đáp án: 1e 2c 3a 4b 5d

5. Look and say.

Mục tiêu: Ôn lại kĩ năng đọc và nói

Hoạt động: Xem tranh tình huống, nói câu hoàn chỉnh theo từ/ câu gợi ý

Đáp án:

- a I play football
- b Yes, they are./No they aren't
- c What colour are your pencils
- d May I open the book

SHORT STORY

1. Fill the gaps. Then listen and check.

Mục tiêu: Củng cố kĩ năng nghe, đọc và viết.

Hoạt động: Đọc truyện tranh và thực hiện các nhiệm vụ nghe và viết.

Trình tự: HS xem tranh, đọc truyện, nghe đĩa CD và làm bài tập (CD – Track 96).

- **Khởi động:**

– Giới thiệu truyện tranh và ôn lại tên các nhân vật chính trong truyện tranh. Chỉ vào các nhân vật trong tranh và gợi ý để HS nói tên các nhân vật và lời thoại cần điền vào.

– Sau đây hướng dẫn cho HS vừa nghe đĩa CD vừa theo dõi lời trong tranh.

- **Đáp án:**
 - Picture 2** Hello
 - Picture 3** meet you
 - Picture 4** your/ Yes
 - Picture 5** chair

- **Lời thoại:**

Chit: Wow! Is that your chair?
Maurice: Yes, it is.
Chit: It's beautiful!
Maurice: Thank you!

Chit: Do you like hide-and-seek?
Maurice/Miu: Yes!
Chit: Good! Let's play hide-and-seek.
Chit: One, two, three ...

Miu: Hello, Maurice!
Maurice: Hello, Miu!

Miu: Maurice, this is Chit. He's a mouse.
Chit: Pleased to meet you, Maurice.
Maurice: Pleased to meet you too, Chit.

Chit: Is this your house?
Maurice: Yes, it is.
Chit: It's big!
Maurice: That's right.

2. Ask and answer the questions.

Mục tiêu: Kết hợp đọc, nghe và nói
Hoạt động: Đọc và hỏi – trả lời

Đáp án:

1. He's white.
2. No, he isn't. He's black./He's a black cat.
3. Maurice is red.
4. It's big./ It's a big house.

3. Number the sentences. Then act out in pairs.

Mục tiêu: Kết hợp đọc, viết và tương tác nghe - nói
Hoạt động: HS đóng vai

Đáp án:

1. *Miu:* Maurice, this is Chit.
2. *Chit:* Pleased to meet you, Maurice.
3. *Maurice:* Pleased to meet you too.
4. *Chit:* Is this your house?
5. *Maurice:* Yes, it is.
6. *Chit:* It's big!
7. *Maurice:* That's right.

4. Put the words in the corect order.

Mục tiêu: Ôn lại kĩ năng đọc hiểu

Hoạt động: HS đọc và ghép các từ theo đúng thứ tự của câu hỏi hoặc câu khẳng định.

Đáp án:

1. Is that your chair?
2. Do you like hide-and-seeK?
3. Pleased to meet you too.
4. Let's play hide-and-seeK.
5. Is this your house?

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN

Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN KHÁNH

Tổng Giám đốc Công ty CPĐT và PTGD Phương Nam XÀ THIỆU HOÀNG

Biên tập nội dung: HUỖNH LÊ ÁI NHI

Biên tập kĩ – mỹ thuật: THẢO HÀ

Trình bày bìa: PHẠM NGỌC NGA

Sửa bản in: HUỖNH LÊ ÁI NHI

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XBGD GIA ĐỊNH

Công ty CPĐT và PTGD Phương Nam –

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG ANH 3 – Tập một

Mã số:

Số đăng kí KHXB:

In bản